

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HUỲNH PHÚC THỊNH

**NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI
CHỨA MẠI DÂM TRÊN ĐỊA BÀN
QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HUỲNH PHÚC THỊNH

**NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI
CHỨA MẠI DÂM TRÊN ĐỊA BÀN
QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số : 60.38.01.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. VÕ THỊ KIM OANH**

HÀ NỘI – 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI CHỨA MẠI DÂM	9
1.1. Khái niệm nhân thân người phạm tội chứa mại dâm.....	9
1.2. Các đặc điểm nhân thân của người phạm tội chứa mại dâm	13
1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội chứa mại dâm.....	19
1.4. Những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội chứa mại dâm.....	22
Chương 2 THỰC TRẠNG NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI CHỨA MẠI DÂM TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH,	30
2.1. Khái quát tình hình tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức	30
2.2. Thực trạng các đặc điểm của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm tại quận Thủ Đức giai đoạn từ năm 2011-6/2017	33
2.3. Thực trạng những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội chứa mại dâm tại quận Thủ Đức	40
Chương 3 HOÀN THIỆN CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TỪ KHÍA CẠNH NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI.....	46
3.1. Dự báo tình hình tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức	46
3.2. Giải pháp phòng ngừa tình hình tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức từ khía cạnh nhân thân người phạm tội	50
KẾT LUẬN	60
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	62

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANTT	: An ninh trật tự
BLHS	: Bộ luật hình sự
CQTHTT	: Cơ quan tiến hành tố tụng
HSST	: Hình sự sơ thẩm
KCN	: Khu công nghiệp
TAND	: Tòa án nhân dân
TDTT	: Thể dục thể thao
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
TTATXH	: Trật tự an toàn xã hội
VHVN	: Văn hóa văn nghệ
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Thống kê so sánh tình hình tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức với địa bàn toàn TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2015.....	30
Bảng 2.2. Cơ cấu theo mục đích phạm tội.....	31
Bảng 2.3. Cơ cấu theo thời gian thực hiện tội phạm	32
Bảng 2.4. Thực trạng trình theo giới tính, độ tuổi của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức giai đoạn 2011-2015	33
Bảng 2.5. Thực trạng trình độ học vấn của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức giai đoạn 2011-2015.....	34
Bảng 2.6. Thực trạng nghề nghiệp của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức giai đoạn 2011 - 2015.....	36
Bảng 2.7: Thực trạng nơi cư trú, hộ khẩu thường trú của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức giai đoạn 2011 - 2015.....	37

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Quận Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh nằm ở vị trí cửa ngõ phía Đông Bắc của Thành phố Hồ Chí Minh, nối liền các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Trung Bộ, Bắc Bộ của nước ta, có quốc lộ 1A và xa lộ Hà Nội quốc lộ 13 chạy qua vành đai ngoài của thành phố, với các tuyến đường lớn như Phạm Văn Đồng, xa lộ Hà Nội đi xuyên qua các quận nội thành. Với địa thế như trên, quận Thủ Đức có nhiều tiềm lực để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Những năm gần đây với sự phát triển kinh tế ngày càng đi lên của nước ta. Trong đó quận Thủ Đức ngày càng phát triển thu hút nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất với quy mô rộng lớn như khu công nghiệp Bình Chiểu, khu chế xuất Linh Trung1, Linh Trung 2 và đặc biệt chợ Đầu Mối, cảng MK cùng nhiều nhà máy xí nghiệp vừa và nhỏ đóng trên địa bàn quận. Đã thu hút hàng vạn số lượng công nhân các tỉnh về làm ăn sinh sống, số lượng dân nhập cư ngày càng tăng về cơ học. Ngoài ra quận Thủ Đức còn là địa bàn của rất nhiều trường Đại Học vì vậy đã tập trung rất nhiều sinh viên từ mọi miền đất nước đến học và cư ngụ. Vì vậy Thủ Đức là nơi mà bọn tội phạm thường tập trung hoạt động để thực hiện hành vi phạm tội, và đặc biệt trong thời đại ngày nay tệ nạn mại dâm là một vấn đề nhức nhối trong xã hội, tội phạm về mại dâm có chiều hướng gia tăng, hoạt động mại dâm biểu hiện dưới nhiều hình thức kinh doanh trá hình, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, ảnh hưởng xấu đến đời sống và an toàn xã hội, ảnh hưởng đến phong tục tập quán của dân tộc, phá vỡ hạnh phúc gia đình, đe dọa đến tương lai giống nòi của dân tộc, là một nguyên nhân làm lây lan hiểm họa HIV/AIDS.

Quận Thủ Đức hiện nay có rất nhiều cơ sở phát sinh tội phạm về mại dâm như: vũ trường, Bar, karaoke, nhà hàng, quán ăn, cơ sở massage, tắm quất, spa, xông hơi xoa bóp có tiếp viên nữ....Theo nhận định của các lực

lượng chức năng hiện nay nhiều người hoạt động mại dâm với tính chất, quy mô ngày càng lớn, diễn biến vô cùng phức tạp, thủ đoạn ngày càng tinh vi. Thực tế đó đã đặt ra nhu cầu cấp bách cần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa các tội mại dâm nói chung và đặc biệt tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức trong thời gian tới. Để làm được điều này, một trong những vấn đề cần thực hiện là tiến hành các nghiên cứu tội phạm học về tình hình tội chứa mại dâm trên địa bàn, lý giải nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và đề xuất các giải pháp phòng ngừa cụ thể - đảm bảo tính khoa học và tính khả thi trong thực tiễn. Trong số các nghiên cứu này, việc trả lời câu hỏi ai là những người có nguy cơ thực hiện các tội chứa mại dâm là việc làm cần thiết, có giá trị trong việc định hướng các biện pháp phòng ngừa thiết thực, nhằm trúng đối tượng, tiết kiệm được nguồn lực của nhà nước và của xã hội. Với mong muốn góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và đặc biệt là tội chứa mại dâm nói riêng trên địa bàn quận Thủ Đức, tác giả quyết định chọn đề tài “**Nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh**” làm đề tài luận văn thạc sỹ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Nhóm các công trình nghiên cứu lý luận cơ bản về nhân thân người phạm tội

Thuộc về nhóm này, có thể kể đến các nghiên cứu tiêu biểu sau đây:

- *Giáo trình tội phạm học*, do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, Đại học Huế - Trung tâm đào tạo từ xa, năm 2011;
- *Giáo trình tội phạm học* của tập thể tác giả, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2012, tái bản năm 2013, 2015;
- *Tội phạm học Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, của Tập thể tác giả, Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, năm 2000;

- *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, do GS.TS Nguyễn Văn Cảnh và PGS.TS Phạm Văn Tình chủ biên, Học viện cảnh sát nhân dân, năm 2013;
- Bài viết: “*Nhân thân người phạm tội: Một số vấn đề lý luận cơ bản*” của tác giả GS.TS. Lê Cẩm, Tạp chí Tòa án, số 10/2001, tr.7-11 và Số 11/2001, tr.5-8;
- Bài viết: “*Nhân thân bị can và một số khái niệm kề cận*”, của tác giả TS. Bùi Kiên Điện, Tạp chí Luật học, số 6/2001, tr.14-18;
- Luận văn Thạc sĩ luật học: “*Nhân thân người phạm tội trong tội phạm học*” của Nguyễn Thị Thanh Thủy, Trường ĐH Luật Hà Nội năm 1996;
- Luận án Tiến sĩ Luật học: *Nhân thân người phạm tội trong trong luật hình sự Việt Nam* của Nguyễn Thị Thanh Thủy, năm 2005;
- Bài viết: “*Một số vấn đề về nhân thân người phạm tội*” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5/2001, tr.46-53;
- Bài viết: “*Nhân thân người phạm tội với việc quy trách nhiệm hình sự*” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy, Tạp chí Tòa án, số 8/2001, tr.2-7;

Các công trình nghiên cứu trên đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về nhân thân người phạm tội, bao gồm khái niệm nhân thân người phạm tội, phân biệt khái niệm nhân thân người phạm tội với một số khái niệm khác có liên quan, các đặc điểm của nhân thân người phạm tội, vai trò của nhân thân người phạm tội trong cơ chế hành vi phạm tội... Đây là những cơ sở lý luận quan trọng mà luận văn sẽ kế thừa làm nền tảng lý luận trong luận văn của mình.

2.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về các khía cạnh đặc thù của nhân thân người phạm tội

Thuộc nhóm này có các công trình nghiên cứu như:

- Bài viết: “*Nhân thân người phạm tội một căn cứ để quyết định hình phạt*” của tác giả Trần Văn Sơn, Tạp chí Luật học, số 1/1997, tr.41-43;

- Bài viết: *“Nhân thân người phạm tội một căn cứ cân cân nhắc khi quyết định hình phạt”* của tác giả Trịnh Tiến Việt, Tạp chí kiểm sát, số 1/2003, tr.21-23;
- Bài viết: *“Cần có biện pháp để thống nhất khi áp dụng tình tiết đã bị xử phạt hành chính trong Bộ luật hình sự”* của tác giả Lê Đức Tùng, Tạp chí Kiểm Sát, số 5/2005, tr.34-36;
- Bài viết: *“Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn quyết định hình phạt”* của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 19/2005, tr.3- 9;
- Bài viết: *“Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn truy cứu trách nhiệm hình sự”* của tác giả Nguyễn Thị Thanh Thủy, Tạp chí kiểm sát, số 17/2005, tr.32- 35;
- Bài viết: *“Một số đặc điểm chú ý về nhân thân của người phạm tội về ma túy ở Việt Nam”* của tác giả Nguyễn Tuyết Mai, Tạp chí Luật học, số 11/2006, tr.32- 37;
- Bài viết: *“Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự liên quan đến nhân thân người phạm tội”* của tác giả Đinh Văn Quế, Tạp chí Tòa án, số 13/2009, tr.23- 27 và số 14, tr.19-28;
- Bài viết: *“ Một số vấn đề nhân thân người phạm tội”* của tác giả Nguyễn Quang Hạnh, Tạp chí Nghề luật, số 1/2013, tr.52- 57;
- "Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam" của PGS.TS Phạm Văn Tĩnh, Nxb Tư pháp, năm 2007.
- *"Mại dâm, ma túy, cờ bạc, tội phạm thời hiện đại"* GS.TS Nguyễn Xuân Yêm: Học viện CSND, Hà Nội năm 2003.
- Luận án tiến sĩ *"Điều tra tội phạm về mại dâm có tổ chức"* của tác giả Nguyễn Hồng Minh, Học viện CSND, Hà Nội năm 2009.

- Luận văn cao học "*Đấu tranh phòng chống tội phạm mại dâm trên địa bàn thành phố Hà Nội*" của tác giả Nguyễn Quang Lộc, Chuyên ngành luật hình sự. 47 năm 1997.

- Bài viết "*Tội chứa mại dâm, môi giới mại dâm: Lý luận và thực tiễn*" của tác giả Đỗ Đức Hồng Hà, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 22/2010.

- Bài viết "*Về những vướng mắc và hướng hoàn thiện quy định của pháp luật về tội chứa mại dâm, tội môi giới mại dâm*" của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hoa, Tạp chí tòa án nhân dân, số 20/2011.

Các tác giả trong các công trình nghiên cứu trên đã phân tích làm rõ vai trò của nhân thân người phạm tội trong quyết định hình phạt, trong định tội danh hoặc trong quy định liên quan đến các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự. Một số tác giả đã tập trung đi sâu phân tích đặc điểm nhân thân người phạm tội gắn với một số loại tội phạm cụ thể, như tội giết người, tội trộm cắp tài sản, các tội phạm về ma túy... Những kết quả của các công trình nghiên cứu này cũng là những tri thức, hiểu biết quan trọng mà tác giả có thể kế thừa trong quá trình nghiên cứu làm đề tài của mình.

Tuy nhiên, có thể khẳng định chưa có một công trình nghiên cứu nào nghiên cứu chuyên sâu về nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Vì vậy, trên cơ sở kế thừa những tri thức lý luận nền tảng về nhân thân người phạm tội cũng như những tri thức nghiên cứu về nhân thân người phạm tội trong các loại tội, nhóm tội ở các địa phương nhất định trong các công trình của các tác giả kể trên, tác giả sẽ vận dụng đi sâu nghiên cứu về nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh; từ đó, kiến nghị các giải pháp phòng ngừa loại tội phạm này tại địa phương theo hướng tập trung giải quyết những nhân tố xuất hiện từ khía cạnh nhân thân người phạm tội. Đây cũng chính là hướng nghiên cứu chủ đạo của luận văn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn sẽ đi sâu nghiên cứu các đặc điểm nhân thân của người phạm tội chứa mại dâm xảy ra ở quận Thủ Đức, làm sáng tỏ các yếu tố tác động đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân xấu ở người phạm tội, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục các đặc điểm nhân thân tiêu cực này, góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội chứa mại dâm trong thời gian tới ở địa bàn quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất: hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về nhân thân người phạm tội chứa mại dâm;

Thứ hai: nghiên cứu phân tích làm rõ các đặc điểm nhân thân người phạm tội chứa mại dâm và các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức, giai đoạn 2011 - 2015;

Thứ ba: dự báo tình hình tội chứa mại dâm và hoàn thiện hệ thống giải pháp phòng ngừa tội chứa mại dâm từ khía cạnh nhân thân người phạm tội trên địa bàn quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức. Để nghiên cứu về nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức, tác giả dựa trên các số liệu thống kê xét xử hình sự sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức giai đoạn 2011 – 6/2017, cũng như trên cơ sở kết quả nghiên cứu 11 bản án xét xử

sơ thẩm của TAND quận Thủ Đức giai đoạn 2011 – 6/2017 được thu thập một cách ngẫu nhiên.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu nhân thân người phạm tội chứa mại dâm dưới góc độ tội phạm học và phòng ngừa tội phạm trên địa bàn quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015. Nội dung nghiên cứu cụ thể là tội chứa mại dâm theo quy định tại điều 327 Bộ luật hình sự 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc thù của tội phạm học, cụ thể:

- Phương pháp nghiên cứu lý luận, phân tích, so sánh, bình luận... được sử dụng để làm rõ những vấn đề lý luận chung về nhân thân người phạm tội chứa mại dâm.

- Phương pháp nghiên cứu lý luận, phân tích, quy nạp, hệ thống, diễn dịch, thống kê, đối chiếu, suy luận logic, nghiên cứu bản án, điều tra xã hội học... được sử dụng để làm rõ các đặc điểm nhân thân người phạm tội chứa mại dâm và các yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức giai đoạn 2011 – 6/2017.

- Phương pháp tổng kết kinh nghiệm, phân tích, suy luận logic... được sử dụng để nhằm đưa ra kiến nghị việc hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa tình hình tội chứa mại dâm từ góc độ nhân thân người phạm tội.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Ý nghĩa lý luận của đề tài: Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận tội phạm học nói chung và lý luận phòng, chống tội chứa mại dâm nói riêng, đồng thời dùng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, học tập của các cơ sở đào tạo luật.

- Ý nghĩa thực tiễn của đề tài: Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể được vận dụng vào thực tiễn công tác phòng, chống tội phạm nói chung và tội chứa mại dâm nói riêng trên địa bàn quận Thủ Đức trong thời gian tới.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được cấu trúc thành ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về nhân thân người phạm tội chứa mại dâm;

Chương 2: Thực trạng nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, giai đoạn 2011- 6/2017

Chương 3: Hoàn thiện giải pháp phòng ngừa tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh từ khía cạnh nhân thân người phạm tội.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI CHỨA MẠI DÂM

1.1. Khái niệm nhân thân người phạm tội chứa mại dâm

Nhân thân người phạm tội là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau như: khoa học luật hình sự, khoa học luật tố tụng hình sự, tội phạm học, tâm lý học tội phạm... Tuy nhiên, mỗi ngành khoa học lại tiếp cận khái niệm nhân thân người phạm tội dưới những góc độ và nhằm mục đích khác nhau, do đó cũng có nhiều định nghĩa, cách lý giải khác nhau về khái niệm này.

Bản chất của con người bao gồm những nội dung về sinh học và xã hội. Con người là sản phẩm của tự nhiên nên trước hết mang đặc tính sinh học. Đặc tính sinh học trong con người quyết định sự hình thành những hiện tượng, quá trình tâm, sinh lý của con người. Mặt khác, con người muốn tồn tại đòi hỏi phải có quá trình hoạt động để phục vụ nhu cầu sinh học của mình như ăn, uống, nghỉ ngơi,... Đồng thời, trong bất kỳ xã hội nào, con người không bao giờ sống tách rời, riêng lẻ mà luôn luôn có mối quan hệ với nhau trong quá trình sản xuất cũng như trong quá trình sinh hoạt khác. Vì thế, con người luôn mang đặc tính xã hội. Nhân thân con người là sự thống nhất giữa các đặc tính xã hội và đặc tính sinh học, trong đó đặc tính xã hội có ý nghĩa quyết định, nhưng đặc tính sinh học cũng có ý nghĩa riêng. *“Chính quá trình thỏa mãn các nhu cầu sinh học chiếm vị trí quan trọng trong ý thức và quy định lợi ích cũng như khuynh hướng phát triển của con người”* [57, tr.97]. Nói cách khác, một con người cụ thể được thể hiện thông qua tất cả những đặc điểm của cá nhân thuộc ba nhóm: sinh học, tâm lý và xã hội. Chính những đặc điểm này giúp hiểu được bản chất con người. Như vậy, có thể khẳng định,

tổng hợp tất cả những đặc điểm cơ bản cho phép xác định bản chất xã hội của một con người cụ thể được gọi là nhân thân của con người đó.[57, tr.95].

Tội phạm bao giờ cũng được thực hiện bởi một con người cụ thể. Tuy nhiên, không phải con người nào cũng thực hiện tội phạm, hay nói cách khác là trở thành người phạm tội. Do vậy, nhân thân người phạm tội sẽ có những khác biệt, những đặc điểm riêng mà người không phạm tội không có. Đặc trưng của người phạm tội là tính nguy hiểm cho xã hội trong hành vi của họ. Mỗi người tồn tại trong xã hội với đặc điểm riêng có của mình và một cuộc sống khác nhau, nhưng con người không phải sinh ra đã có thể trở thành người phạm tội, những đặc điểm nhân thân của con người được hình thành và phát triển trong xã hội theo cả hai hướng: tốt và xấu. Chính do sự tồn tại đồng thời của hai hướng này mà có người trở thành người phạm tội còn người khác thì không. Những đặc điểm thuộc về nhân thân con người - sinh học, tâm lý, xã hội - nếu gặp những điều kiện, hoàn cảnh không thuận lợi của quá trình hình thành nhân cách sẽ trở thành những đặc điểm nhân thân xấu, những đặc điểm nhân thân xấu này khi gặp những tình huống bên ngoài thuận lợi sẽ dễ làm phát sinh hành vi phạm tội [34, tr.10].

Tóm lại, với những lý giải nêu trên, có thể đưa ra khái niệm nhân thân người phạm tội: là tổng hợp những đặc điểm sinh học, tâm lý và xã hội của người phạm tội, các đặc điểm này kết hợp với các điều kiện hoàn cảnh khách quan bên ngoài dẫn con người đó đến việc thực hiện hành vi phạm tội.[49, tr.150].

- Dấu hiệu người phạm tội chứa mại dâm tại điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là:

-Khách thể của tội phạm: Tội phạm xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống lành mạnh, văn minh cũng như đạo đức xã hội.

- Mặt khách quan của tội phạm: Hành vi phạm tội chứa chấp mại dâm được thể hiện bằng các hành vi sau:

Cho thuê địa điểm để hành nghề mại dâm;

Thiết kế phòng, địa điểm mại dâm và các điều kiện vật chất khác phục vụ hoạt động mại dâm;

Bố trí người canh gác, bảo vệ cho hoạt động mại dâm;

Nhận người bán dâm là nhân viên, người làm thuê để che mắt nhà chức trách;

Cho người bán dâm hành nghề tại nhà ở, khách sạn, nơi làm việc của mình để thu lợi bất chính.

- Mặt chủ quan của tội phạm: Người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Mục đích, hậu quả không phải là yếu tố bắt buộc để cấu thành nên tội chứa mại dâm.

- Chủ thể của tội phạm: Là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

- Hình phạt

- Khung cơ bản được quy định tại khoản 1 Điều 254 **Bộ luật hình sự** có mức phạt tù từ một năm đến bảy năm.

- Khung tăng nặng thứ nhất được quy định tại khoản 2 Điều 254 **Bộ luật hình sự** có mức phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm cho các trường hợp sau: Có tổ chức; cưỡng bức mại dâm; phạm tội nhiều lần; đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; gây hậu quả nghiêm trọng; tái phạm nguy hiểm.

- Khung tăng nặng thứ hai được quy định tại khoản 3 Điều 254 **Bộ luật hình sự** có mức phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm cho những trường hợp sau: Đối với trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; gây hậu quả rất nghiêm trọng.

- Khung tăng nặng thứ ba được quy định tại khoản 4 Điều 254 **Bộ luật hình sự** có mức phạt tù từ hai mươi năm hoặc tù chung thân cho trường hợp phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

- Khoản 5 quy định về hình phạt bổ sung, theo đó người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng. Tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế từ một năm đến năm năm.

- **Dấu hiệu người phạm tội chứa mại dâm tại điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 là:**

- **Khách thể.**

Hành vi phạm tội xâm phạm đến trật tự xã hội, đồng thời xâm phạm đến thuần phong mỹ tục của dân tộc.

- **Mặt chủ quan.**

Người phạm tội thực hiện tội phạm này với **lỗi cố ý**.

- **Chủ thể**

Chủ thể của tội phạm này là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự.

Trên cơ sở khái niệm nhân thân người phạm tội cũng như dấu hiệu người phạm tội chứa mại dâm nêu ở trên, có thể rút ra khái niệm nhân thân người phạm tội chứa mại dâm như sau:

***Nhân thân người phạm tội chứa mại dâm** là tổng hợp những đặc điểm sinh học, tâm lý và xã hội của người phạm tội chứa mại dâm, những đặc điểm này kết hợp với điều kiện hoàn cảnh khách quan bên ngoài dẫn con người đó đến việc thực hiện hành vi phạm tội chứa mại dâm được quy định tại Điều 327 Bộ luật Hình sự 2015.*

1.2. Các đặc điểm nhân thân của người phạm tội chứa mại dâm

Mỗi nhân thân người phạm tội cụ thể đều có những đặc điểm, dấu hiệu chung trong từng nhóm người phạm tội hay trong tất cả người phạm tội và nó còn có những đặc điểm, dấu hiệu đặc thù của nhân thân người phạm tội đó. Trong phạm vi luận văn này, tác giả chỉ đề cập đến các đặc điểm của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm. Hệ thống các đặc điểm của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm cũng có các đặc điểm của nhân thân người phạm tội nói chung nhưng cũng có các đặc điểm riêng, có thể chia làm các nhóm sau:

1.2.1. Nhóm đặc điểm sinh học (nhân chủng học)

Nhân thân mỗi người luôn tồn tại các đặc điểm chung và các đặc điểm riêng. Và nhóm các đặc điểm nhân chủng học chính là những đặc điểm chung tồn tại trong bất kỳ người nào, như là đặc điểm về giới tính, độ tuổi... Những đặc điểm này tồn tại trong nhân thân bất kỳ người nào, vì thế không thể dựa vào chúng để khẳng định cá nhân một người nào đó là người phạm tội. Tuy vậy, các đặc điểm này tác động qua lại với các điều kiện hình thành nhân cách của một cá nhân con người, với nhu cầu và lợi ích, vị trí và mối quan hệ giao tiếp của người đó trong xã hội nên nó cung cấp thông tin để chúng ta hiểu trọn vẹn về nhân thân người phạm tội.

- Giới tính

Tìm hiểu đặc điểm giới tính giúp xác định được người phạm tội chứa mại dâm là nam hay là nữ, qua đó cho thấy tình hình các tội chứa mại dâm theo từng giới. Nam giới có một số đặc điểm đặc thù và được xã hội thừa nhận, đó là mạnh mẽ, quyết đoán, nhưng cũng rất liều lĩnh... Trong khi đó, nữ giới thường ôn hòa, dịu dàng, suy nghĩ thấu đáo...

- Độ tuổi

Nghiên cứu đặc điểm lứa tuổi của người phạm tội chứa mại dâm cho phép xác định tính chất, mức độ, đặc điểm tội phạm của từng lứa tuổi và ảnh hưởng của lứa tuổi đến việc thực hiện tội phạm. Mỗi lứa tuổi có những đặc điểm riêng về sự phát triển thể chất, tinh thần, tâm, sinh lý, hiểu biết xã hội... Có nhiều cách phân chia độ tuổi khác nhau trong các nghiên cứu tội phạm học, tuy nhiên cách phân loại phổ biến nhất mà luận văn sử dụng là chia người phạm tội chứa mại dâm thành 03 nhóm: dưới 18 tuổi (người chưa thành niên), từ 18 đến 30 tuổi (thanh niên), từ trên 30 trở lên (trung niên và người già).

Ngoài các đặc điểm nêu trên, các đặc điểm khác như: dân tộc, quốc tịch... cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội. Các đặc điểm này có mối quan hệ mật thiết với vị trí, vai trò, các thuộc tính văn hóa,... của con người trong xã hội. Trong nghiên cứu tội phạm học ở Việt Nam, căn cứ vào tiêu chí dân tộc, người phạm tội chứa mại dâm được chia thành 02 nhóm: người dân tộc kinh, người dân tộc thiểu số.

1.2.2. Nhóm đặc điểm xã hội

Cũng như nhóm đặc điểm nhân chủng học, những đặc điểm về xã hội trong nhân thân người phạm tội các tội nói chung và tội chứa mại dâm nói riêng là những đặc điểm đặc trưng của cá nhân người phạm tội. Nhóm đặc điểm này bao gồm: trình độ học vấn, địa vị xã hội - nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, nơi cư trú...

- Trình độ học vấn

Trình độ học vấn có tác động rất lớn đến nhận thức của mỗi người, đến khả năng ứng xử của con người trong các mối quan hệ xã hội nói chung và hành vi phạm tội nói riêng. Trình độ học vấn ảnh hưởng rất lớn đến cách thức lựa chọn hành vi ứng xử của con người trong các mối quan hệ xã hội nói

chung và hành vi phạm tội nói riêng. Khác với một số nhóm tội đòi hỏi phải có học vấn nhất định mới thực hiện được hành vi phạm tội, như nhóm tội phạm công nghệ cao, nhóm tội phạm chức vụ... người phạm tội chứa mại dâm không đòi hỏi phải có trình độ học vấn cao mới có thể thực hiện được hành vi phạm tội. Các nghiên cứu của các nhà tội phạm học cho thấy, trình độ học vấn của người phạm tội chứa mại dâm thường thấp hơn so với những người không phạm tội cùng lứa tuổi. Dựa vào đặc điểm trình độ học vấn, người phạm tội chứa mại dâm được chia thành 04 nhóm: (1) Người không biết chữ và người có trình độ tiểu học, (2) Người có trình độ trung học cơ sở, (3) Người có trình độ trung học phổ thông, (4) Người có trình độ trung cấp, cao đẳng và Đại học.

- Địa vị xã hội và nghề nghiệp

Qua nghiên cứu địa vị xã hội và nghề nghiệp sẽ cho biết được nhóm người làm việc ở những ngành, lĩnh vực nào trong xã hội dễ thực hiện tội phạm và loại tội phạm họ thực hiện [60, tr.145]. Địa vị xã hội và nghề nghiệp ổn định giúp đảm bảo cuộc sống là môi trường thuận lợi phát triển nhân cách con người và ở những người này theo nghiên cứu, khả năng phạm tội chứa mại dâm là rất thấp. Ngược lại, phần lớn những người phạm tội chứa mại dâm là những người có địa vị thấp, không nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định. Dựa vào đặc điểm nghề nghiệp, người phạm tội chứa mại dâm được chia thành 03 nhóm: (1) Người không nghề nghiệp, (2) Người có nghề nghiệp nhưng không ổn định, (3) Người có nghề nghiệp ổn định.

- Hoàn cảnh gia đình

Mỗi người sinh ra đều có một gia đình riêng với hoàn cảnh khác nhau, gia đình là nơi mà mỗi người tìm thấy ở đó sự gần gũi, đùm bọc, yêu thương nhau. Nghiên cứu đặc điểm hoàn cảnh gia đình trong nhân thân người phạm tội chứa mại dâm là nghiên cứu ở các khía cạnh: quan hệ gia đình, hoàn cảnh kinh tế gia đình với những tác động của chúng tới người phạm tội chứa mại

dâm. Mỗi quan hệ gần gũi, âm cúng trong gia đình, cách xử sự văn minh, nhân ái giữa các thành viên trong gia đình, việc mỗi thành viên luôn nêu cao trách nhiệm với gia đình có ý nghĩa rất lớn tới việc kiểm soát hành vi, định hướng hành vi của mỗi người, giúp hạn chế những hành vi tiêu cực xảy ra. Kết quả nghiên cứu cho thấy những người đã kết hôn, được sống trong một gia đình có cơ cấu đầy đủ, gia đình hòa thuận hạnh phúc, sống gương mẫu thì tỷ lệ phạm tội của họ ít hơn đối với những người chưa kết hôn, gia đình bị khiếm khuyết (cha mẹ ly hôn, cha hoặc mẹ chết...), gia đình có những thành viên thường xuyên vi phạm pháp luật hoặc sống không hòa thuận hạnh phúc. Dựa vào đặc điểm quan hệ gia đình, người phạm tội chứa mại dâm được chia thành: Người chưa kết hôn hoặc đã kết hôn; gia đình có cơ cấu hoàn thiện và gia đình bị khiếm khuyết...

- *Nơi cư trú*

Mỗi người có một nơi cư trú, sinh sống nhất định. Mỗi nơi cư trú, sinh sống có những đặc trưng riêng về phong tục tập quán, kinh tế, giáo dục... Những yếu tố này phần nào tác động đến quá trình hình thành nhân cách người phạm tội. Môi trường sống yên bình, cộng đồng xã hội được vun đắp từ những điều tốt đẹp thì động cơ, mục đích phạm tội chứa mại dâm rất thấp và ngược lại nếu sống ở trong một cộng đồng toàn những người phạm pháp, tệ nạn xã hội... thì nguy cơ phạm tội chứa mại dâm cũng tăng cao. Dựa vào đặc điểm nơi cư trú, người phạm tội chứa mại dâm được chia thành 03 nhóm: Người không có nơi cư trú, người có nơi cư trú không ổn định và người có nơi cư trú ổn định.

1.2.3. Nhóm đặc điểm đạo đức - tâm lý

Những đặc điểm đạo đức - tâm lý của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm bao gồm quan niệm, quan điểm về đạo đức, về giá trị xã hội và các đặc điểm tâm lý như nhu cầu, thói quen, sở thích, nguyện vọng... những đặc

điểm này có vai trò quan trọng trong sự hình thành động cơ phạm tội của người phạm tội chứa mại dâm.

- *Quan niệm, quan điểm đối với các giá trị đạo đức xã hội và pháp luật*

Mỗi người đều sống trong các môi quan hệ xã hội nhất định. Quan niệm, quan điểm đối với các giá trị đạo đức xã hội và pháp luật cũng khác nhau. Điều này giải thích tại sao cũng trong cùng một hoàn cảnh nhất định, người này thì phạm tội còn người khác lại không. Cách mỗi người nhìn nhận các khía cạnh của cuộc sống, sự hòa hợp giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, lợi ích cộng đồng cũng sẽ tác động tới hành vi phạm tội của họ. Những người phạm tội xâm phạm sở hữu phần lớn là những người có cái nhìn thiên cận, tiêu cực, đặt lợi ích cá nhân của mình lên trên hết. Họ có thể bất chấp luân thường đạo lý, chuẩn mực xã hội chỉ để sống cho bản thân, cho những ham muốn, đòi hỏi lệch lạc của họ.

Thái độ, nhận thức của những người phạm tội chứa mại dâm đối với pháp luật, đối với cơ quan bảo vệ pháp luật, với trật tự xã hội cũng là một dạng đặc điểm tâm lý trong nhân thân người phạm tội. Nhìn chung người phạm tội chứa mại dâm ít hiểu biết về pháp luật, họ hầu như không tiếp xúc hoặc ít có điều kiện tiếp xúc với pháp luật, đồng thời có thái độ thờ ơ, coi thường pháp luật và các cơ quan bảo vệ pháp luật. Chính từ thái độ đó đã dẫn họ đến hành động nhằm thỏa mãn lợi ích cá nhân của bản thân bất chấp pháp luật; hoặc cho rằng hành vi vi phạm pháp luật của mình có thể sẽ không bị phát hiện, hoặc nếu có bị phát hiện nhưng sẽ không bị xử lý; cá biệt có những chủ thể luôn có thái độ và hành động chống đối pháp luật.[14, tr.18].

- *Nhu cầu, sở thích, thói quen*

Những đặc điểm này có tác động trực tiếp đến việc hình thành động cơ và lựa chọn phương án hành vi của người phạm tội chứa mại dâm. Mỗi người đều có những nhu cầu, thói quen, sở thích khác nhau, quan trọng là nhu cầu

thói quen đó là lành mạnh, chính đáng hay xấu xa, phạm pháp. Những người phạm tội chứa mại dâm thường có thói quen, sở thích tiêu cực; họ coi trọng vật chất, tiền bạc và sẵn sàng bất chấp tất cả để thỏa mãn chúng.

- Động cơ, mục đích phạm tội

Khi thực hiện hành vi phạm tội, nếu động cơ phạm tội càng mãnh liệt, mục đích phạm tội càng rõ ràng thì tính chất của tội phạm càng nguy hiểm và hậu quả của tội phạm càng nghiêm trọng. Vì vậy, nghiên cứu động cơ, mục đích phạm tội chứa mại dâm vừa góp phần làm rõ nguyên nhân thực hiện tội phạm chứa mại dâm, đồng thời cũng giúp cho việc đánh giá chính xác tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, từ đó giúp cho việc tìm ra những biện pháp tác động tích cực nhằm loại trừ động cơ phạm tội, ngăn cản mục đích tội phạm, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả mà người phạm tội chứa mại dâm có thể gây ra cho xã hội. Những người phạm tội chứa mại dâm đại đa số xuất phát từ động cơ vụ lợi, mục đích nhằm thỏa mãn nhu cầu, lợi ích cá nhân, hẹp hòi, ích kỉ.

Ngoài ra, các đặc điểm về tôn giáo, tín ngưỡng cũng có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách con người. Dựa vào đặc điểm tôn giáo, người phạm tội chứa mại dâm được chia thành: Người theo tôn giáo, người không theo tôn giáo.

1.2.4. Nhóm đặc điểm pháp lý hình sự

Các đặc điểm này bao gồm: phạm tội lần đầu, tái phạm, tái phạm nguy hiểm, , đồng phạm, người chưa thành niên phạm tội... Các đặc điểm này có thể làm cho tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi tăng lên như tiền án, tiền sự, phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm... cũng có thể làm giảm tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi như: Người chưa thành niên phạm tội, người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, trong trường hợp ít nghiêm trọng, ăn năn hối cải... Nghiên cứu các đặc điểm này giúp hiểu rõ

được tính chất nguy hiểm cho xã hội của nhân thân người phạm tội, khả năng cảm hóa, giáo dục cải tạo họ, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp phòng ngừa hữu hiệu.

Tóm lại, nhân thân người phạm tội chứa mại dâm bao gồm 4 nhóm đặc điểm cơ bản, mỗi nhóm đặc điểm thể hiện những khía cạnh khác nhau của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm. Trong số chúng, có những đặc điểm chung của nhân thân người phạm tội, cũng có những đặc điểm đặc thù của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm. Các đặc điểm này trong thực tiễn không tách rời mà gắn liền với từng cá nhân con người, chúng có mối liên hệ, tác động qua lại, hữu cơ lẫn nhau tạo thành một nhân cách (tiêu cực) của cá nhân người phạm tội, nhân cách này trong mối liên hệ, tác động qua lại với hoàn cảnh, tình huống xung quanh dẫn đến việc thực hiện tội chứa mại dâm. Việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tội phạm học nhằm xác định ai/đối tượng nào có nguy cơ cao trong việc thực hiện các tội chứa mại dâm, theo đó đề ra các biện pháp phòng ngừa cụ thể hướng tới các đối tượng này.

1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu

Ý nghĩa thứ nhất, có ý nghĩa trong việc định tội, định khung, quyết định hình phạt một cách chính xác. Qua việc nghiên cứu nhân thân người phạm tội chúng ta đánh giá được tính chất nguy hiểm cho xã hội của nhân thân người phạm tội, khả năng giáo dục, cải tạo của người phạm tội để có thể đưa ra chế tài hình sự phù hợp. Nhân thân người phạm tội chứa mại dâm tuy không phải là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm nhưng lại là yếu tố quan trọng để xác định chính xác trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Bộ luật tố tụng hình sự nước ta quy định bắt buộc cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án phải chứng minh được đặc điểm của nhân thân bị can, bị cáo.

Những đặc điểm nhân thân này phải được thể hiện trong hồ sơ điều tra, bản cáo trạng cũng như trong bản án và các giấy tờ kèm theo hồ sơ vụ án [34, tr.16]. Điều 45 khoản 1 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 hiện hành cũng quy định nhân thân người phạm tội là một trong các yếu tố buộc phải cân nhắc khi quyết định hình phạt. Như vậy, có thể khẳng định nhân thân người phạm tội là yếu tố buộc phải cân nhắc trong tất cả các quyết định của những người tiến hành tố tụng nhằm mục đích đảm bảo điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật - đảm bảo mục đích phòng ngừa chung và phòng ngừa cá biệt của hình phạt được áp dụng.

Ý nghĩa thứ hai, nghiên cứu đặc điểm nhân thân người phạm tội chứa mại dâm sẽ tạo cơ sở cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội chứa mại dâm. Một người sinh ra không phải để phạm tội, nhưng các đặc điểm tiêu cực trong nhân cách cá nhân (là kết quả của quá trình tương tác giữa cá thể người đó với môi trường xã hội xung quanh) chính là điều kiện tiên quyết dẫn đến hành vi phạm tội của mỗi người. Nghiên cứu các đặc điểm nhân thân người phạm tội cho phép xác định các nguy cơ và nhóm người chịu sự tác động của các nguy cơ đó, dẫn đến việc thực hiện tội phạm.

Ý nghĩa thứ ba, nghiên cứu nhân thân người phạm tội chứa mại dâm sẽ có ý nghĩa trong việc dự báo và phòng ngừa tội phạm nói chung và tội chứa mại dâm nói riêng. Như đã đề cập ở trên, trong xã hội loài người, có người phạm tội và người không phạm tội, có người phạm tội này mà không phạm tội khác. Điều này có thể được giải thích một phần ở chỗ họ là những con người khác nhau, với các đặc điểm nhân thân khác nhau. Tiếp cận ở chiều ngược lại, có thể đi đến giả thiết rằng có những đặc điểm nhân thân đặc trưng cho những người phạm tội hoặc những người thực hiện một tội phạm cụ thể nào đó. Chúng có thể được xem là các yếu tố nguy cơ làm tăng khả năng phạm tội của một cá nhân nhất định. Nghiên cứu nhân thân người phạm tội, làm rõ những

yếu tố này giúp dự báo nguy cơ phạm tội của những nhóm người có những đặc điểm nhất định, trên cơ sở đó đề ra những giải pháp tác động cụ thể nhằm hạn chế chuyển hóa từ nguy cơ sang tội phạm.[14, tr.21].

Ý nghĩa thứ tư, Nghiên cứu nhân thân người phạm tội chứa mại dâm để có các hình thức, phương pháp giáo dục, quản lý người phạm tội chứa mại dâm... một cách phù hợp và hiệu quả. Cần phải dựa vào đặc điểm nhân thân của người phạm tội chứa mại dâm để phân loại người phạm tội chứa mại dâm nhằm áp dụng các biện pháp giáo dục, cải tạo phù hợp với từng nhóm người với các đặc điểm nhân thân khác nhau nhằm cải thiện hoặc loại trừ các đặc điểm nhân thân tiêu cực có vai trò quan trọng đối với việc phát sinh tội chứa mại dâm, từ đó có thể giáo dục, cải tạo họ thành người tốt, không tái phạm tội. Nghiên cứu các đặc điểm nhân thân người phạm tội cũng giúp cho việc tư vấn cho phạm nhân việc học nghề, chuẩn bị tốt nhất cho quá trình tái hòa nhập.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu đặc điểm nhân thân người phạm tội sẽ là nguồn cung cấp thông tin cho các khoa học: luật hình sự, luật tố tụng hình sự, điều tra hình sự nghiên cứu hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án cho phù hợp đối với người phạm tội chứa mại dâm nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Đặc biệt khoa học điều tra hình sự có thể căn cứ vào những thông tin về nhân thân người phạm tội chứa mại dâm để đề ra, xác định phương pháp, phương hướng, chiến thuật điều tra nhằm thu thập chứng cứ, chứng minh tội phạm và người phạm tội. Trong hoạt động điều tra vụ án, thông tin phản ánh về nhân thân người phạm tội chứa mại dâm giúp cho việc sàng lọc đối tượng, phát hiện nhanh chóng, chính xác tội phạm và người phạm tội, áp dụng các biện pháp ngăn chặn cho phù hợp với từng đối tượng phạm tội, khám xét thu giữ

vật chứng và sử dụng những biện pháp tác động tâm lý, cảm hoá đối tượng trong lấy lời khai, hỏi cung, đối chất...[14, tr.18].

1.4. Những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội chứa mại dâm:

1.4.1. Các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống

- Môi trường gia đình

Gia đình là tế bào của xã hội, cái nôi nuôi dưỡng và là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách của con người. Nhân cách của con người được hình thành qua một quá trình giáo dục từ gia đình đến nhà trường và xã hội, trong đó vai trò của gia đình là vô cùng quan trọng vì gia đình là cái nôi văn hóa đầu tiên hình thành nhân cách con người. Quá trình hình thành và phát triển nhân cách của mỗi người là khác nhau. Môi trường gia đình hòa thuận, gắn bó, yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, có lối sống lành mạnh, văn hóa... thì sẽ hình thành các đặc điểm nhân thân tích cực đối với mỗi cá nhân. Ngược lại, môi trường gia đình khuyết thiếu, quá nuông chiều hay quá nghiêm khắc, thường xuyên đánh, chửi nhau, gia đình có thành viên vi phạm pháp luật, phạm tội, các thành viên thiếu sự quan tâm nhau,... sẽ hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực đối với mỗi thành viên trong gia đình, đặc biệt là đối với lứa tuổi thanh thiếu niên. Các yếu tố tiêu cực từ môi trường gia đình tác động đến hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội chứa mại dâm như sau:

Thứ nhất, gia đình bị khiếm khuyết nghĩa là gia đình chỉ có cha hoặc chỉ có mẹ hoặc không có cả cha, cả mẹ. Sống trong gia đình này đứa trẻ thiếu đi sự quan tâm chăm sóc của cha (mẹ), luôn tự ti mặc cảm, chán nản, mất thăng bằng trong cuộc sống, thiếu sự kiểm soát chặt chẽ... rất dễ sa ngã, mặt khác ở gia đình này thì có thể hoàn cảnh kinh tế cũng khó khăn, cuộc sống không đầy đủ, đứa trẻ thường có nhu cầu muốn được thỏa mãn về vật chất,

coi trọng đồng tiền... Do đó rất dễ bị lôi kéo lợi dụng, dụ dỗ để thực hiện các hành vi phạm tội trong đó có tội chứa mại dâm.

Thứ hai, gia đình không hạnh phúc, cha mẹ thường xuyên mất hòa khí, chửi nhau thậm chí đánh nhau trước mặt con cái... Sống trong gia đình này, đứa trẻ luôn cảm thấy hụt hẫng tâm lý, cảm xúc căng thẳng, buồn chán, sợ hãi thường xuyên khi chứng kiến cảnh bất hoà của cha mẹ, luôn cảm thấy cô đơn, không an toàn trong ngôi nhà của mình... do đó dễ dẫn đến sự trầm cảm, xa lánh mọi người, căm ghét gia đình và đôi khi ưa bạo lực và thậm chí có những đứa trẻ đã bỏ nhà đi bụi, lao vào chơi game... từ đó nảy sinh nhu cầu về tiền bạc, vật chất nếu không được đáp ứng, dễ dẫn đến thực hiện các hành vi phạm tội, thậm chí thực hiện việc môi giới mại dâm và cả chứa mại dâm để có tiền đáp ứng nhu cầu của bản thân.

Thứ ba, gia đình mà cha mẹ luôn nuông chiều, con muốn gì có đó thỏa mãn tất cả mọi nhu cầu của con... làm hình thành trong đứa trẻ một thái độ tự mãn, ỷ lại, quen dựa dẫm, luôn đòi hỏi, đua đòi, sống gấp, coi trọng giá trị vật chất, sống hết tham vọng, hết ý chí phấn đấu, lười lao động... Những đứa trẻ này, nếu gia đình, cha mẹ không đáp ứng hoặc không còn khả năng đáp ứng nhu cầu của chúng, sẽ có thái độ phản kháng, bất mãn, căm giận bố mẹ, bỏ nhà ra đi, tụ tập với bạn bè hư, vướng vào các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm...

Thứ tư, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn: sống trong gia đình này trẻ không được thỏa mãn về nhu cầu, sở thích của mình, thèm khát cuộc sống đầy đủ, no ấm. Trẻ có tâm lý tự ti, mặc cảm, buồn chán, thất vọng, thù hận cha mẹ, thù hận cuộc đời là một đặc điểm đặc thù trong gia đình này. Từ đó ở trẻ xuất hiện những quan niệm, tâm lý trả thù đời, muốn đổi đời, muốn có tiền ngay lập tức... và đặc biệt rất dễ bị kẻ xấu lợi dụng lôi kéo tham

gia thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật nhất là thỏa mãn nhu cầu vật chất dẫn đến phạm tội chứa mại dâm.

Thứ năm, gia đình có người thân phạm pháp, phạm tội nói chung cũng như phạm tội chứa mại dâm cũng có ảnh hưởng đến thái độ của các thành viên còn lại theo hướng tiêu cực, làm tăng nguy cơ thực hiện tội phạm của những người này.

- *Môi trường giáo dục (nhà trường)*

Nhà trường và gia đình là hai môi trường có vai trò vô cùng quan trọng trong hình thành nhân cách con người. Nhà trường vừa là nơi truyền thụ kiến thức cho học sinh vừa là nơi để rèn luyện đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống và giáo dục thể hệ trẻ trở thành những con người sống có hoài bão, có lý tưởng tốt đẹp... Nhà trường khi làm tốt nhiệm vụ của mình thì sẽ đào tạo được những thế hệ trẻ tương lai có đủ tài và đức để giúp ích cho đất nước. Ngược lại, khi nhà trường không hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục sẽ hình thành ở trẻ em các đặc điểm nhân thân xấu, từ đó khi gặp tình huống tiêu cực họ dễ vi phạm pháp luật.. Những hạn chế, bất cập mà môi trường giáo dục tác động tiêu cực tới hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội chứa mại dâm đó là:

Thứ nhất, nhà trường chưa chú trọng giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống; chưa chú trọng giáo dục sự tôn trọng sức khỏe, tính mạng của người khác. Không được giáo dục tốt, trẻ dễ hình thành đặc điểm nhân thân xấu như coi thường đạo đức, pháp luật, coi thường tài sản, tính mạng của người khác... và khi gặp những tình huống thuận lợi, trẻ sẽ lựa chọn cách thức xử sự trái đạo đức, trái pháp luật.

Thứ hai, chương trình giáo dục trong nhà trường quá tải về nội dung, phương pháp học tập không phù hợp, tồn tại tình trạng bạo lực học đường, lạm dụng tình dục... Những nguyên nhân này sẽ hình thành tâm lý căng

thăng, chán nản, lo sợ, hận thù, căm ghét, thất vọng, nóng nảy... từ đó đứa trẻ dễ có tâm lý buông xuôi, bỏ học, tụ tập bạn bè xấu, tham gia các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm... nếu không có tiền để thỏa mãn sẽ dẫn đến hành vi phạm tội chứa mại dâm.

Thứ ba, nhà trường thiếu sự quản lý, quản lý một cách lỏng lẻo, sự phối hợp giáo dục với gia đình, với xã hội chưa tốt... Đứa trẻ học tập trong môi trường này sẽ có nguy cơ trốn học, bỏ học, không chú ý học tập, kết quả sa sút, dễ bị lôi kéo, đua đòi. Ý thức vô kỷ luật, việc tụ tập bạn bè, tham gia băng nhóm, đua đòi ăn chơi tiêu xài, sẽ dễ dẫn đến việc các em phạm tội về mại dâm để có tiền thỏa mãn sở thích, nhu cầu của bản thân.

- *Môi trường bạn bè*

“Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng”. Bạn bè có tác động vô cùng lớn đối với một người trong suy nghĩ, lối sống, nhận thức về các vấn đề của cuộc sống. Việc chọn bạn mà chơi vô cùng quan trọng. Một đứa trẻ có những người bạn tốt, siêng năng học tập, luôn đưa ra những lời khuyên tốt cho bạn bè... thì sẽ dễ làm cho đứa trẻ trở nên chăm chỉ học tập, biết ngoan ngoãn, lễ phép, sống tích cực. Nhưng ngược lại nếu thường xuyên chơi với những bạn bè không tốt luôn ăn chơi, đua đòi, hút chích, không lo học tập thì đứa trẻ ấy cũng sẽ dễ dàng bỏ bê học tập, nhiễm các thói hư tật xấu và khi không có tiền để thỏa mãn thói hư tật xấu này thì chúng sẽ tìm mọi cách để có tiền thậm chí là phạm pháp.

- *Môi trường làm việc, công tác*

Cũng giống như bạn bè, môi trường làm việc đồng nghiệp cũng có ảnh hưởng rất lớn trong hình thành các đặc điểm nhân thân xấu của người phạm tội chứa mại dâm. Môi trường làm việc thoải mái, cởi mở, được đãi ngộ thỏa đáng, đồng nghiệp gần gũi, quan tâm giúp đỡ nhau trong công việc... thì sẽ làm cho con người thấy thoải mái, hăng say làm việc... Nếu môi trường làm

việc không thoải mái, đồng nghiệp đố kỵ, chèn ép lẫn nhau, coi trọng lợi ích cá nhân, có cách sống lệch lạc... sẽ dẫn đến tâm lý chán nản, bất công, coi thường lợi ích người khác, coi trọng lợi ích cá nhân của mình, ngoài ra còn nảy sinh lòng tham, coi thường pháp luật, nhiễm thói hư tật xấu, dễ dẫn đến phạm các tội chứa mại dâm.

- *Môi trường kinh tế, xã hội vĩ mô*

Xã hội ngày càng phát triển, các mặt của đời sống được cải thiện nâng cao, tuy vậy cũng không thể tránh được mặt trái của nền kinh tế thị trường: chênh lệch giàu nghèo ngày càng gia tăng, lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp ngày càng nhiều; các chủ trương, chính sách còn nhiều hạn chế, an sinh, phúc lợi xã hội chưa đáp ứng đầy đủ.... Đây là những nguyên nhân hình thành những đặc điểm nhân thân xấu như coi trọng đồng tiền, hưởng thụ, lười lao động, lười học, tham lam, lối sống đua đòi, tâm lý chán nản, thất vọng, coi thường pháp luật, giá trị đạo đức, nhân cách, sở hữu...

- *Môi trường văn hóa, tư tưởng, đạo đức*

Bên cạnh những thỏa mãn về nhu cầu vật chất thì sự thỏa mãn về nhu cầu tinh thần là một vấn đề mà đối với người phạm tội chứa mại dâm cũng cần lưu ý. Bên cạnh những giá trị truyền thống của dân tộc được phát huy, xây dựng lối sống lành mạnh, văn hóa thì vẫn còn đó công tác quản lý các loại hình văn hóa, quản lý các loại hình dịch vụ chưa thật chặt chẽ; đạo đức trong kinh doanh chưa được chú trọng; các loại băng đĩa phim ảnh bạo lực, nội dung đồi trụy... vẫn len lỏi tồn tại; tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống có biểu hiện gia tăng. Môi trường này đã hình thành ở một bộ phận người dân tư tưởng coi trọng vật chất, xem thường các giá trị đạo đức, xem thường pháp luật, lười biếng lao động, vướng vào các tệ nạn xã hội ... Từ đó khi nhu cầu, sở thích không thể thỏa mãn một cách hợp pháp, họ sẵn sàng vi phạm pháp luật để có tiền đáp ứng nhu cầu, sở thích của mình.

1.4.2. Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội chứa mại dâm

- Sai lệch về sở thích

Sở thích là những hoạt động thường xuyên hoặc thói quen đem lại cho con người niềm vui, sự phấn khởi trong cuộc sống. Những người có sở thích lành mạnh như nghe nhạc, thể thao... thì thường hình thành nên nhân cách tốt. Ngược lại, những người có sở thích nhậu nhẹt, cờ bạc, tụ tập bạn bè chơi bời, xem phim bạo lực, khiêu dâm... thì những sở thích này sẽ dần dần thấm sâu vào nhận thức của họ làm cho họ có cái nhìn lệch lạc, tiêu cực, hình thành nên tâm lý sống buông thả, thực dụng, coi thường chuẩn mực đạo đức, văn hóa... Nhận thức sai vì thế khi gặp những điều kiện bên ngoài tác động một cách tiêu cực sẽ dẫn đến tình trạng những người này không xác định được đúng sai, coi thường pháp luật, thậm chí thực hiện tội phạm.

- Sai lệch về nhu cầu và cách thức thỏa mãn nhu cầu

Mỗi cá nhân trong xã hội đều có những nhu cầu rất khác nhau và thể hiện trong tất cả các mặt của đời sống, như nhu cầu về kinh tế, chính trị, văn hóa, vật chất, chức vụ, tình dục... Nếu cá nhân có nhu cầu sai lệch thì trong điều kiện, hoàn cảnh nhất định, cá nhân bắt đầu hướng nhận thức vào việc tìm kiếm cái thỏa mãn nhu cầu, tức là lợi ích không chính đáng và từ đó sẽ lựa chọn cách thức thỏa mãn nhu cầu không đúng đắn. Phần lớn những cá nhân có nhu cầu vật chất lớn, vượt quá khả năng đáp ứng của bản thân, gia đình mà lại lười lao động thì họ rất dễ lựa chọn cách thức thỏa mãn nhu cầu bằng mọi giá, thậm chí chứa mại dâm để kiếm sống.

- Sai lệch, hạn chế trong ý thức pháp luật của cá nhân

Mỗi người đều có những hiểu biết về pháp luật ở những mức độ khác nhau. Có những người không hiểu biết gì về pháp luật, cũng có những người chỉ hiểu biết sơ sài, hay cũng có những người biết nhưng lại hiểu sai về pháp luật. Trong thực tiễn thì đa số những người phạm tội chứa mại dâm là những

người có học vấn thấp, khả năng tiếp cận, nâng cao hiểu biết pháp luật của họ rất thấp vì vậy phần lớn họ là những người không hiểu biết hoặc mơ màng về pháp luật, do đó họ coi thường pháp luật. Họ luôn đặt nhu cầu, sở thích của mình lên trên pháp luật. Họ sẵn sàng làm tất cả, bất chấp pháp luật để thỏa mãn nhu cầu của mình cho dù họ biết được rằng hành vi của mình sẽ bị pháp luật trừng trị, bị xã hội lên án.[14, tr.30].

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Nghiên cứu tìm ra những đặc điểm nhân thân đặc thù của người phạm tội sẽ giúp nhà tội phạm học xác định được đâu là những nguy cơ tiềm tàng gắn liền với những con người cụ thể, từ đó một mặt tìm ra giải pháp thích hợp đối với người phạm tội nhằm giáo dục, cải tạo họ thành công dân có ích cho xã hội. Mặt khác, các nhà tội phạm học cũng có thể đề ra những biện pháp phòng ngừa sớm hướng vào các đối tượng có nguy cơ phạm tội cao.

Chương 1 đề cập đến khái niệm nhân thân người phạm tội với tư cách là khái niệm xuất phát và nội dung lý thuyết cơ bản, ban đầu cho toàn bộ luận văn. Với việc tạo dựng một khung lý thuyết hoàn chỉnh từ định nghĩa, các đặc điểm cũng như các yếu tố tác động để hình thành nhân thân người phạm tội, chương 1 là tiền đề quan trọng, là thước đo để xác định thực tiễn nhân thân người phạm tội chứa mại dâm cũng như đề ra các giải pháp cụ thể để phòng ngừa nhóm người có nhân thân xấu, có nguy cơ cao thực hiện tội chứa mại dâm.

Chương 2

THỰC TRẠNG NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI CHỨA MẠI DÂM TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH,

2.1. Khái quát tình hình tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức:

2.1.1. *Thực trạng và diễn biến của tình hình tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức*

Trong luận văn, do điều kiện về thời gian và phạm vi nghiên cứu không cho phép, nội dung chỉ tiếp cận phân hiện của thực trạng thông qua số liệu thống kê của Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Tuy vậy bên cạnh đó vẫn còn có những tội chứa mại dâm đã được thực hiện nhưng đến thời gian nghiên cứu vẫn không bị phát hiện và do vậy chúng không có trong thống kê hình sự (phần ẩn).

Bảng 2.1. *Thống kê so sánh tình hình tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức với địa bàn toàn TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-6/2017*

Năm	Toàn TP.HCM		quận Thủ Đức		Tỷ lệ (%)	
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2011	23	40	2	2	8,69	5
2012	18	24	3	5	16,67	20,83
2013	16	18	2	4	12,5	22,22
2014	28	42	5	8	14,28	19,04
2015	16	25	3	4	18,75	16
2016	16	17	2	2	12,5	11,76

2017	6	8				
Tổng	123	174	17	25	13,82	14,32

(Nguồn: số liệu thống kê của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh)

Qua số liệu cho thấy tội chứa mại dâm trên thực tế qua xét xử sơ thẩm hàng năm không nhiều. Nếu tính toàn TP.HCM trong 24 quận huyện thì tội chứa mại dâm trên địa bàn Quận Thủ Đức cũng chiếm tỷ lệ khá lớn. Hàng năm chiếm trên 10% tổng số vụ án cũng như tổng số bị cáo.

Bảng 2.1 cũng cho thấy tình hình tội phạm chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức hàng năm vẫn chưa có xu hướng giảm. Năm 2011, 2012 và 2013 tình hình tội chứa mại dâm có diễn biến khá ổn định, nhưng đến năm 2014 lại tăng lên và đến năm 2015, 2016 đã giảm xuống **và 6 tháng đầu năm 2017 chưa phát hiện vụ án nào**. Tuy vậy mặc dù diễn biến khá ổn định nhưng so tỷ lệ phần trăm về số vụ án và số bị cáo hàng năm thì tỷ lệ này lại có chiều hướng tăng cao. Năm 2011 số vụ án là 03 chỉ chiếm 8,69% nhưng đến năm 2015 số vụ án xét xử sơ thẩm là 03 nhưng tỷ lệ đã tăng lên 18,75% tổng số vụ chứa mại dâm toàn thành phố và tương tự số bị cáo tỷ lệ cũng tăng từ 5% đã tăng lên 16% và đến năm 2016 có giảm xuống nhưng tỷ lệ vụ án và tỷ lệ bị cáo so với toàn thành phố vẫn chiếm trên 10%. Điều này cho thấy tội phạm chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức vẫn còn là một vấn đề nhức nhối, thủ đoạn mà chúng thực hiện để che mắt cơ quan chức năng rất tinh vi với nhiều thủ đoạn khác nhau.

2.1.2. Cơ cấu của tình hình tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức :

- Cơ cấu theo mục đích phạm tội

Bảng 2.2. Cơ cấu theo mục đích phạm tội

Tổng số bản án	Hám lợi	thỏa mãn nhu cầu cá nhân,	Mục đích khác
11	07	03	01
100%	63,64%	27,27%	9,09%

Nguồn: 11 bản án xét xử sơ thẩm của TAND Quận Thủ Đức

Bảng 2.2 cho thấy, trong các mục đích phạm tội thì hám lợi là mục đích mà người phạm tội chứa mại dâm hướng đến nhiều nhất với trên 60%, bên cạnh đó là nhằm kiếm tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân và nhằm mục đích khác.

- *Cơ cấu theo thời gian thực hiện tội phạm*

Bảng 2.3. *Cơ cấu theo thời gian thực hiện tội phạm*

Tổng số bản án	Từ 0h-cận 6h	Từ 18h-cận 24h
11	06	05
100%	54,54%	45,45%

Nguồn: 11 bản án xét xử sơ thẩm của TAND Quận Thủ Đức

Bảng 2.3 cho thấy tội chứa mại dâm được thực hiện trong khoảng thời gian từ 18 giờ cho đến 06 giờ sáng hôm sau. Qua số liệu cho thấy đây là thời điểm mà các đối tượng mại dâm hoạt động mạnh, các tụ điểm ăn chơi quán bar, Karaoke hoạt động hết công suất...đồng thời cũng là thời điểm mà các cơ quan chức năng chủ yếu trấn áp tại các tụ điểm vui chơi, ít kiểm tra tại các nhà nghỉ, khách sạn tạo điều kiện cho tội phạm chứa mại dâm được thực hiện.

2.2. Thực trạng các đặc điểm của nhân thân người phạm chứa mại dâm tại quận Thủ Đức:

2.2.1. Thực trạng các đặc điểm sinh học (nhân chủng học)

- Giới tính

Bảng 2.4. Thực trạng trình theo giới tính, độ tuổi của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức giai đoạn 2011-2015

Năm	Số bị cáo	Giới tính		Độ tuổi		
		Nam	Nữ	Dưới 18 tuổi	Từ 18 đến 30 tuổi	Từ trên 30 tuổi
2011	1		1		1	
2012	3	1	2		1	2
2013	2		2			2
2014	6	1	5		2	4
2015	3	1	2		1	2
2016	1		1			1
2017						
Tổng	16	3	13		5	11
Tỷ lệ %	100	18,75	81,25		31,25	68,75

Nguồn: 11 bản án xét xử sơ thẩm của TAND Quận Thủ Đức

Bảng 2.4 cho thấy đa số các đối tượng phạm các tội chứa mại dâm thì tỷ lệ về giới tính nữ vẫn chiếm tỷ lệ cao do nữ giới nên có khả năng hiểu biết tâm lý của các cô gái có nhan sắc, hoàn cảnh khó khăn, văn hóa thấp, ít giáo dục để tìm cách tác động, rủ rê, lôi kéo, cưỡng bức đi vào con đường hoạt

động mại dâm. Khả năng nắm bắt nhanh thị dục, nhu cầu của một số đối tượng, khách làng chơi trong xã hội từ đó tìm cách đáp ứng nhu cầu của họ. Nhiều đối tượng là vũ nữ trong các vũ trường, là gái mại dâm nên có khả năng móc nối hoặc đối phó với các cơ quan bảo vệ pháp luật.

- Độ tuổi

Cũng theo kết quả tại bảng 2.4 cho thấy nhóm bị cáo có độ tuổi dưới 18 tuổi không có, độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi có 05 bị cáo, chiếm 31,25% và độ tuổi trên 30 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất với 11 bị cáo chiếm tỷ lệ 68,75%. Điều đó cho thấy phần nào sự phù hợp giữa độ tuổi người phạm tội với hành vi chứa mại dâm. Qua 11 bản án cho thấy có 07 vụ án được phát hiện qua kiểm tra các khách sạn và nhà nghỉ trên địa bàn, còn lại là các hành vi khác. Điều này cho thấy ở độ tuổi từ 30 trở lên sẽ có sự ổn định trong kinh tế, có cơ sở vật chất để xây dựng cuộc sống. Nhưng những tiền đề này đã bị các đối tượng vì hám lợi, làm giàu nhanh chóng nên đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội chứa mại dâm.

Ngoài các đặc điểm về giới tính và độ tuổi thì qua khảo sát 11 bản án với 16 bị cáo cho thấy, số đối tượng phạm tội chứa mại dâm 100% dân tộc Kinh. Các dân tộc khác không có.

2.2.2. Thực trạng các đặc điểm xã hội

- Trình độ học vấn

Bảng 2.5. *Thực trạng trình độ học vấn của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức giai đoạn 2011-6/2017*

Năm	Số bị cáo	Trình độ học vấn				
		Không biết chữ	Tiểu học	THCS	THPT	Trung cấp trở lên
2011	1			1		
2012	3		1	2		
2013	2				1	1
2014	6		3	2	1	
2015	3		1		1	1
2016				1		
2017						
Tổng	16		5	6	3	2
Tỷ lệ%	100		45,45	54,54	27,27	18,18

Nguồn: 11 bản án xét xử sơ thẩm của TAND Quận Thủ Đức

Qua phân tích Bảng 2.5 cho thấy người phạm tội chứa mại dâm đều là người có trình độ học vấn từ tiểu học trở lên, ngoài ra còn có 02 bị cáo có trình độ trung cấp. Điều đó cho thấy rằng trình độ học vấn tác động đến cách ứng xử của con người, các đối tượng phạm tội chứa mại dâm qua nghiên cứu hầu hết đều là chủ nhà nghỉ, khách sạn, các đối tượng này với sự nhận thức của bản thân, độ tuổi và kinh nghiệm sống nhất định đã tạo vỏ bọc đánh lừa các cơ quan chức năng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Nghề nghiệp

Bảng 2.6. *Thực trạng nghề nghiệp của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức giai đoạn 2011 – 6/2017*

Năm	Số bị cáo	Nghề nghiệp		
		Nghề nghiệp ổn định	Nghề nghiệp không ổn định	Không có Nghề nghiệp
2011	1	1		
2012	3	2	1	
2013	2	2		
2014	6	4	2	
2015	3	1	2	
2016	1		1	
2017				
Tổng	16	10	06	
Tỷ lệ %	100	62,5	37,5	

Nguồn: 11 bản án xét xử sơ thẩm của TAND Quận Thủ Đức

Số liệu trong bảng cho thấy, phần lớn các bị cáo có nghề nghiệp 10/13 bị cáo chiếm 62,5%, và 06 bị cáo nghề nghiệp không ổn định.

- *Hoàn cảnh gia đình*

Nghiên cứu 11 vụ án với 16 bị cáo phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức từ năm 2011 đến 2017, cho thấy về quan hệ gia đình:

- Số bị cáo chưa có gia đình là 04 bị cáo chiếm tỷ lệ 25%.

- Số bị cáo đã kết hôn có 12 bị cáo chiếm 75%. Trong đó đang duy trì hôn nhân là 07 bị cáo, đã ly hôn 05 bị cáo.

- Số bị cáo được sống trong gia đình hoàn thiện có đầy đủ cha mẹ là 13 bị cáo chiếm 81,25% và 03 bị cáo sống trong gia đình không hoàn thiện (cha hoặc mẹ mất)

Qua thống kê cũng cho thấy về hoàn cảnh kinh tế gia đình của người phạm tội: Người phạm tội có hoàn cảnh kinh tế gia đình thuận lợi có 09 người chiếm 56,25%; người phạm tội có hoàn cảnh kinh tế gia đình không thuận lợi có 07 người chiếm 43,75%.

Kết quả nghiên cứu trên chỉ ra rằng: các đối tượng phạm tội chứa mại dâm đều vì hám lợi mà thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù có hoàn cảnh kinh tế thuận lợi nhưng vẫn thực hiện tội chứa mại dâm để thu về nguồn lợi nhanh chóng.

- Nơi cư trú, hộ khẩu thường trú

Bảng 2.7: Thực trạng nơi cư trú, hộ khẩu thường trú của nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức giai đoạn 2011 - 2015

Năm	Số bị cáo	Hộ khẩu thường trú				Nơi cư trú			
		Ngoài TP.HCM	Các quận, huyện khác	quận Thủ Đức	Không có	Tỉnh khác	Các quận, huyện khác	Thủ Đức	Không có
2011	1	1						1	
2012	3	1	1	1		1		2	
2013	2	1		1				2	
2014	6	4	1	1		2		4	
2015	3	1	1	1			1	2	
2016	1	1						1	

2017									
Tổng	16	9	3	4		3	1	12	
g									
Tỷ lệ	10	56,25	18,75	25		18,7	6,25	75	
%	0					5			

Nguồn: 11 bản án xét xử sơ thẩm của TAND Quận Thủ Đức

Theo thống kê tại bảng trên cho thấy:

- **Về hộ khẩu thường trú:** số bị cáo có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú quận Thủ Đức là 04 bị cáo chiếm 25%; số bị cáo có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú các quận, huyện khác trên địa bàn TP.HCM là 03 bị cáo chiếm tỷ lệ 18,75%, hộ khẩu thường trú tại các tỉnh khác là 09 bị cáo chiếm 56,25%.

- **Về nơi cư trú:** số bị cáo cư trú tại quận Thủ Đức là 12 bị cáo chiếm 75%, các quận huyện khác trên địa bàn TP.HCM là 01 bị cáo chiếm 6,25% và 03 bị cáo sinh sống ngoài TP.HCM.

Qua số lượng thống kê cho thấy số lượng bị cáo chủ yếu sinh sống tại quận Thủ Đức với 12/16 bị cáo, chỉ có 04 bị cáo là sinh sống ngoài ngoài địa bàn quận Thủ Đức, mặc dù các bị cáo phần lớn là người nhập cư nhưng 12/16 bị cáo lại chọn Thủ Đức để sinh sống và phạm tội. Điều này cũng lý giải tại sao các vụ án chứa mại dâm qua thống kê đều xảy ra tại các nhà nghỉ, khách sạn, và quán cà phê, massage.....Người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội bằng cách thuê mặt bằng mở quán cà phê, massage nhưng bên trong lại kinh doanh mại dâm, tạo cơ sở cho việc mua bán dâm...

2.2.3. Thực trạng các đặc điểm đạo đức - tâm lý

Đối với nhóm đặc điểm này thì qua nghiên cứu tác giả chú ý đến đặc điểm về sở thích, thói quen, động cơ mục đích phạm tội. Theo thống kê 16 bị cáo phạm tội chứa mại dâm cho thấy, có 04 bị cáo mà người phạm tội trước đây đã từng là gái mại dâm, sau khi ra khỏi cơ sở giáo dục chuyển qua thực

hiện hành vi vi phạm của tội chứa mại dâm và 07 bị cáo vì động cơ háms lợi nên phạm tội.

2.2.4. Thực trạng nhóm đặc điểm pháp lý hình sự

- Tiền án, tiền sự

Theo kết quả thống kê 11 vụ án và 16 bị cáo cho thấy có 04 bị cáo có nhân thân xấu, 03 bị cáo có tiền án thì có 02 bị cáo đã có tiền án về tội chứa mại dâm lại tiếp tục phạm tội chứa mại dâm và 01 bị cáo có tiền án về các loại tội phạm khác sau đó phạm tội chứa mại dâm.

- Thái độ thành khẩn khai báo

Về thái độ khai báo qua nghiên cứu kết quả có 16/16 bị cáo có thái độ khai báo trung thực, biết ăn năn hối cải nhằm nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

Qua thực trạng 04 nhóm đặc điểm về nhân thân người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức cho thấy được hầu hết người phạm tội đều ở lứa tuổi từ 30 trở lên có trình độ học vấn từ cấp 1 trở lên, có nghề nghiệp, đã kết hôn, động cơ mục đích phạm tội chủ yếu là háms lợi, thỏa mãn nhu cầu bản thân.

2.3 Thực trạng đặc điểm tâm lý của người phạm tội chứa mại dâm tại quận Thủ Đức:

Qua nghiên cứu 16 bị cáo phạm tội chứa mại dâm cho thấy các bị cáo đều trên 18 tuổi và đa số là ở độ tuổi trên 30, đây là độ tuổi mà sự phát triển tâm sinh lý có sự ổn định, đã có nhiều kinh nghiệm sống và đã có sự nhận thức trước mọi vấn đề xã hội... Tuy vậy xuất phát từ lợi ích cá nhân, háms lợi, lười lao động mà lại muốn kiếm tiền nhanh chóng đã dẫn đến việc phạm tội. Đối với tội phạm chứa mại dâm đa số người phạm tội đều có sự tính toán hoạch định hành vi phạm tội ngay từ đầu, ít nhiều đều có sự nhận thức về pháp luật, coi trọng giá trị đồng tiền dẫn đến việc phạm tội của họ, ngoài ra

cũng có một số đối tượng ăn chơi đua đòi, sống ảo, hành nghề mại dâm nhưng khi hoàn cảnh điều kiện không cho phép và để thỏa mãn nhu cầu, họ đã thực hiện hành vi phạm tội chứa mại dâm.

2.3. Thực trạng những yếu tố tác động đến sự hình thành nhân thân người phạm tội chứa mại dâm tại quận Thủ Đức:

2.3.1. Các yếu tố khách quan thuộc môi trường sống

- Môi trường gia đình

Gia đình bị khiếm khuyết (gia đình không hoàn thiện, thiếu cha hoặc mẹ hoặc thiếu cả cha cả mẹ): Theo thống kê trong 16 bị cáo thì có 02 bị cáo là gia đình không có cha hoặc mẹ và 05 bị cáo có gia đình nhưng đã ly hôn, phải nuôi con nhỏ. *Gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn*: Theo thông kê có 07/16 bị cáo có hoàn cảnh kinh tế không thuận lợi. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, con còn nhỏ, lại lười lao động, muốn có tiền nhanh chóng mà các bị cáo đã phạm tội.

- Môi trường giáo dục (nhà trường)

Khi nói về môi trường giáo dục cũng cho thấy rằng trình độ học vấn của người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức có trình độ cấp 3 trở lên chiếm không ít với 45,45% tổng số bị cáo, từ đó cho thấy người phạm tội được giáo dục trong nhà trường, được qua trường lớp đã có sự nhận thức khá cao tuy vậy đã không ít người vì lợi ích cá nhân, hám lợi mà coi thường các chuẩn mực đạo đức, pháp luật mà đã thực hiện hành vi phạm tội chứa mại dâm điều đó cho thấy mặt trái của phương pháp giáo dục trong nhà trường còn thiên về kiến thức sách vở, thiếu giáo dục đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống cho học sinh. Trong khi xã hội ngày càng phát triển, mặt trái nền kinh tế thị trường làm cho đạo đức xuống cấp, tâm lý coi trọng đồng tiền do vậy khi bước ra ngoài xã hội với việc thiếu kỹ năng, thiếu kiến thức pháp

luật nên một số người sẵn sàng thực hiện hành vi trái pháp luật để kiếm tiền một cách nhanh chóng.

- Môi trường làm việc, công tác

Qua nghiên cứu 11 bản án xảy ra trên địa bàn quận Thủ Đức cho thấy tác động của yếu tố môi trường làm việc, dẫn đến sự hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội chứa mại dâm cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Nguyễn Thị Hồng Gấm quê ở Bến Tre lên Thủ Đức thuê mặt bằng mở tiệm hót tóc gội đầu, theo lời khai của bị cáo thời gian đầu tiệm vẫn hoạt động bình thường, kinh doanh lành mạnh, nhưng bị cáo thấy có nhiều người khách vào gạ gẫm hỏi về các dịch vụ tươi mát. Nên bị cáo Gấm thấy có điều kiện để mở rộng dịch vụ của tiệm, bị cáo đã móc nối với các gái mại dâm biến tiệm của mình thành nơi thực hiện hành vi phạm tội. Từ đây cho thấy yếu tố môi trường làm việc nhạy cảm là điều kiện tác động rất lớn đến việc phạm tội chứa mại dâm.

- Môi trường kinh tế, xã hội vĩ mô

Nền kinh tế phát triển đem lại nhiều công ăn việc làm, nâng cao đời sống cho người dân...thì bên cạnh đó mặt trái của nó cũng kéo theo nhiều hệ lụy đó là thất nghiệp, chênh lệch giàu nghèo... đây cũng chính là một trong những yếu tố đã tác động đến hình thành nhân thân người phạm tội chứa mại dâm. Qua số liệu thống kê cho thấy có đến 03 bị cáo có việc làm không ổn định và 04 bị cáo sống trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế không thuận lợi. Chính từ con số này đã cho thấy do không có việc làm ổn định, hoặc không có việc làm mà thu nhập của các đối tượng này rất thấp hoặc không có, nhu cầu cuộc sống, giá trị đồng tiền trong cuộc sống được coi trọng, cuộc sống gia đình, bản thân không được đảm bảo, gặp yếu tố môi trường, hoàn cảnh xấu tác động họ sẵn sàng phạm tội Một yếu tố cũng tác động không nhỏ trong hình thành đặc điểm nhân thân người phạm tội chứa mại dâm đó là sự quản lý

của các cấp, các ngành, đưa ra các quy định để quản lý các vấn đề trong đời sống xã hội cũng còn nhiều sơ hở, công tác kiểm tra giám sát phát hiện bất cập chưa thật sự phát huy hiệu quả, nhất là vấn đề quản lý nguồn lao động nhập cư tại các địa phương nói chung vào quận Thủ Đức, hiện nay Thủ Đức là một quận có tốc độ phát triển rất nhanh, nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất như Linh Trung, khu công nghiệp Bình Chiểu... đòi hỏi một lượng lao động rất lớn, vì vậy tình trạng dân nhập cư đến làm ăn sinh sống ở Thủ Đức rất nhiều, qua nghiên cứu 11 bản án cho thấy dân nhập cư đăng ký tạm trú tại quận Bình Tân phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn Thủ Đức chiếm tỷ lệ rất lớn có 12/16 bị cáo là từ nơi khác đến Thủ Đức để sinh sống và phạm tội chứa mại dâm. Lê Thị Bé Hai quê ở Cà Mau đến phường Linh Trung thuê mặt bằng để mở tiệm cà phê vông, tuy vậy đây chỉ là hình thức nguy trang mà Bé Hai nhắm đến. Hai đã biến quán cà phê của mình thành nơi mua bán dâm. Bị cáo khai thấy Thủ Đức là nơi dân nhập cư số lượng công nhân đông và học sinh sinh viên đến học rất nhiều vì vậy đối tượng đã chọn Thủ Đức làm nơi phạm tội của mình.

- *Môi trường văn hóa, tư tưởng, đạo đức*

Khi đề cập đến vấn đề này là đề cập đến đến một số bất cập trong quản lý các loại hình văn hóa, dịch vụ chưa thật chặt chẽ, đạo đức trong kinh doanh cũng chưa được chú trọng, các loại băng đĩa phim ảnh bạo lực, nội dung đồi trụy... vẫn len lỏi tồn tại, tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống có biểu hiện gia tăng. Từ đó một bộ phận không nhỏ người dân có tư tưởng coi trọng vật chất, xem thường các giá trị đạo đức, xem thường pháp luật, lười biếng lao động, nhưng lại muốn kiếm tiền nhanh chóng. Vụ án Trần Văn Tân mở nhà nghỉ chứa mại dâm là một điển hình. Trần Văn Tân có hộ khẩu thường trú tại phường Hiệp Bình Phước và kinh doanh nhà nghỉ Hoa Mai từ năm 2010, bị cáo khai nhận nhà nghỉ Hoa Mai chỉ hoạt động trong khoảng thời

gian từ 2010-2012 là kinh doanh nhà nghỉ thuần túy, nhưng đến đầu năm 2013 bị cáo đã móc nối với các đối tượng bên ngoài để biến nhà nghỉ của mình thành nơi hành lạc của khách làng chơi và gái mại dâm. Đến năm 2015 thì bị đoàn kiểm tra liên ngành Quận Thủ Đức kiểm tra, phát hiện. Điều đó cho thấy vì hám lợi muốn tăng thu nhập mà Tân đã phạm tội chứa mại dâm, đồng thời cũng cho thấy sự thiếu kiểm tra, quản lý mà nhà nghỉ của Tân hoạt động trong thời gian dài mới bị phát hiện.

2.3.2. Các yếu tố chủ quan thuộc về người phạm tội

- Sai lệch về nhu cầu và cách thức thỏa mãn nhu cầu

Mỗi người có những nhu cầu khác nhau và cách thức để thỏa mãn nhu cầu của mỗi người cũng không giống nhau. Nhu cầu càng cấp bách thì khả năng chi phối con người càng cao. Nhu cầu chính đáng thúc đẩy con người hành động đúng, nhu cầu lệch lạc chi phối tâm lý, hướng con người đến nhận thức, hành động nhằm thỏa mãn nhu cầu do đó sẽ thực hiện cách thức thỏa mãn nhu cầu không đúng đắn. Và khi nhu cầu của một người vượt khỏi khả năng có thể tự đáp ứng được họ sẽ tìm mọi cách để thỏa mãn nhu cầu nếu trong điều kiện tình huống tiêu cực sẽ phạm tội. Thống kê 11 vụ án thì cho ra kết quả 10 vụ án là nhằm thỏa mãn nhu cầu, hám lợi, cần tiền tiêu xài.

- Hạn chế trong năng lực trí tuệ

Theo kết quả thống kê về trình độ học vấn của 16 bị cáo được nghiên cứu cho thấy phần lớn các bị cáo có trình độ cấp 1 và cấp 2. Họ đều phải bỏ học sớm và do trình độ không cao nên khả năng nhận thức các vấn đề cuộc sống còn hạn chế, với trình độ không cao sẽ không có được việc làm ổn định, lương sẽ thấp nên khi gặp các yếu tố tiêu cực từ môi trường xung quanh, cộng với nhu cầu sai lệch sẽ dễ dẫn đến hành vi phạm tội nói chung và tội chứa mại dâm nói riêng.

- Sai lệch, hạn chế trong ý thức pháp luật của cá nhân

Trong 11 bản án với 16 bị cáo cho thấy đa số những người phạm tội chứa mại dâm là những người có học vấn thấp, khả năng tiếp cận, nâng cao hiểu biết pháp luật của họ rất thấp vì vậy phần lớn họ là những người không hiểu biết gì về pháp luật, hay hiểu biết lơ mơ do đó họ coi thường pháp luật. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng còn có 05 bị cáo có học vấn từ cấp 3 đối với những đối tượng này ý thức của họ khá cao nhưng vì có những nhận thức sai lệch, họ luôn đặt nhu cầu, sở thích của mình lên trên pháp luật, sẵn sàng làm tất cả, bất chấp pháp luật để thỏa mãn nhu cầu của mình cho dù họ biết được rằng hành vi của mình sẽ bị pháp luật trừng trị, bị xã hội lên án, trái luân thường đạo lý.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trên cơ sở những nội dung đã tập trung phân tích làm rõ ở trên có thể rút ra một số những đặc điểm nhân thân đặc trưng của người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn Quận Thủ Đức giai đoạn 2011 - 6/2017, đó là:

Người phạm tội chứa mại dâm thường là nữ, độ tuổi thường từ 30 trở lên. Các đối tượng này thường không được học hành đến nơi đến chốn, bỏ học giữa chừng và chủ yếu là học vắn cấp cấp 1, cấp 2. Có hoàn cảnh kinh tế tương đối thuận lợi và đã có gia đình. Ngoài ra người phạm tội chứa mại dâm có hộ khẩu thường trú chủ yếu là dân nhập cư, nhưng sinh sống trên địa bàn quận Thủ Đức. Các bị cáo phạm tội chứa mại dâm đa số là phạm tội lần đầu, động cơ, mục đích là hám lợi, thỏa mãn nhu cầu vật chất.

Những nội dung được trình bày trong chương 2 sẽ là cơ sở để tác giả đi sâu vào nghiên cứu tìm ra những giải pháp phòng ngừa tình hình tội chứa mại dâm nói riêng và tình hình tội phạm nói chung một cách hữu hiệu trong thời gian tới.

Chương 3

HOÀN THIỆN CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA TỘI CHỨA MẠI DÂM TỪ KHÍA CẠNH NHÂN THÂN NGƯỜI PHẠM TỘI

3.1. Dự báo tình hình tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn quận Thủ Đức

3.1.1. Cơ sở dự báo

Dự báo tình hình tội phạm nói chung và diễn biến của một loại tội phạm nói riêng là một việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì căn cứ vào đó chúng ta có những chính sách hình sự, chính sách xã hội nhằm phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm có hiệu quả hơn. Đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng, việc dự báo tình hình tội phạm có ý nghĩa rất quan trọng. Dự báo chính xác sẽ giúp đạt được hiệu quả cao trong phòng ngừa tội phạm và lựa chọn được các phương án tối ưu, phù hợp với thực tế, giảm thiểu chi phí vật chất, sức lực và thời gian. Thông qua dự báo có thể cung cấp cho các cơ quan bảo vệ pháp luật cũng như lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội những thông tin cần đấu tranh như tình trạng, cơ cấu, bản chất, quy luật vận động, phát triển... và dựa trên các kết quả dự báo này, các cơ quan chức năng chủ động đưa ra phương án, chuẩn bị phương tiện, lực lượng đấu tranh có hiệu quả. Chương trình đấu tranh phòng ngừa tội phạm cũng như chiến lược, chiến thuật phòng ngừa tội phạm sẽ chỉ là hình thức nếu như chúng không được xây dựng trên cơ sở những dự báo tình hình tội phạm khoa học và chính xác.

Dự báo tình hình tội phạm và hướng khắc phục sẽ là cơ sở quan trọng cho việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm trong những khu vực nhất định trong khoảng thời gian nhất định. Thông qua các số liệu dự báo, các

biện pháp phòng ngừa tội phạm cụ thể sẽ được xây dựng và chuyển giao cho chủ thể phòng ngừa. Do đó, có thể nói, dự báo xu hướng của tội phạm thực chất là dự báo các ảnh hưởng có tác động thực tế đến tình trạng và cơ cấu của tội phạm trong tương lai thông qua các nguyên nhân đó.

Hoạt động dự báo tình hình tội phạm phải xuất phát từ các kế hoạch kinh tế, xã hội của Nhà nước nói chung và của chính quyền quận Thủ Đức nói riêng trong từng giai đoạn nhất định. Mặt khác, kế hoạch phòng ngừa cũng cần được thực hiện đồng bộ trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội.

Những căn cứ để đưa ra các dự báo về tình hình tội chứa mại dâm trên địa bàn Thủ Đức trong những năm tiếp theo đó là:

Thứ nhất trong những năm tới, điều kiện kinh tế - xã hội của quận Thủ Đức sẽ có bước chuyển đổi về xây dựng kiến trúc đô thị, đầu tư phát triển kinh tế, du lịch, thương mại, dịch vụ, giao lưu văn hóa... đời sống của nhân dân ngày càng được nâng cao, tài sản của nhân dân ngày càng nhiều, mức độ lưu chuyển tài sản ngày càng tăng. Với cơ chế thị trường tiếp tục được duy trì sẽ làm cho xã hội phát triển một cách mạnh mẽ, song nó cũng góp phần thúc đẩy sự phân hóa xã hội ngày càng sâu sắc, lối sống thực dụng, sa đọa, trụy lạc, tình trạng thất nghiệp còn kéo dài, các tệ nạn xã hội, ma túy, cờ bạc càng gia tăng.

Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới với cơ chế thị trường tiếp tục được duy trì và làm cho xã hội phát triển một cách mạnh mẽ. Song nó cũng góp phần thúc đẩy cho sự phân hóa xã hội ngày càng sâu sắc, tình trạng thất nghiệp sẽ còn kéo dài. Bên cạnh đó, cùng với chính sách mở cửa của nền kinh tế thì cách sống thực dụng, sa đọa, trụy lạc của một số người nước ngoài và bọn tội phạm có điều kiện xâm nhập vào nước ta. Vì vậy, tình hình tội phạm về mại dâm cũng lan rộng và phát triển với các thủ đoạn tinh vi

và xảo quyệt, số vụ, số đối tượng và tính chất mức độ nguy hiểm ngày càng cao.

Do khoa học kỹ thuật phát triển mạnh, mạng internet phủ khắp từ đó làm cho một số người tò mò, hiếu kỳ, bất chước và dễ dàng dẫn đến tội phạm về mại dâm hoặc tham gia các hoạt động tệ nạn xã hội.

Thứ hai, tình hình dân nhập cư trong những năm tới vẫn tiếp tục tăng, số lượng người ra vào thành phố từ các tỉnh vẫn không thay đổi do nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, giải trí.

Thứ ba, mặt trái của nền kinh tế thị trường hình thành những yếu tố tiêu cực, làm con người vì lợi ích kinh tế mà các giá trị đạo đức bị xuống cấp, nhiều người có thể làm bất cứ điều gì vì mục đích lợi nhuận, cũng như để duy trì sự tồn tại, để làm giàu kể cả là thực hiện hành vi phạm tội, và cùng với tốc độ kinh tế tăng nhanh nhiều công ty, xí nghiệp được thành lập thì cũng có không ít phải phá sản, giải thể nên tình trạng thất nghiệp vẫn còn tồn tại...

Thứ tư, xu thế toàn cầu hóa, mở cửa hội nhập sâu rộng và đặc biệt thời đại mà công nghệ thông tin bùng nổ, nếu không được quản lý tốt thì những luồng thông tin xấu, những loại hình giải trí, sách báo, ấn phẩm, phim ảnh không lành mạnh... sẽ tác động đến đời sống, nhận thức của người dân nhất là đối với thế hệ trẻ....

Thứ năm, mặt bằng dân trí của các bộ phận dân cư chưa đồng đều, ý thức pháp luật của người dân chưa được nâng cao. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục trong nhà trường chưa được quan tâm đúng mực.

Thứ sáu, Sự phối hợp của các cơ quan chức năng, của các cấp các ngành chưa thật đồng bộ, linh hoạt nên hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội chứa mại dâm nói riêng đạt hiệu quả chưa cao.

Thứ bảy, Sự quyết tâm của lãnh đạo TP. Hồ Chí Minh với việc chỉ đạo xây dựng TP.HCM trở thành một thành phố đáng sống, quyết tâm kéo giảm tình hình tội phạm trong thời gian tới.

Đây chính là những cơ sở để công tác dự báo tình hình tội phạm chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức nói riêng và toàn TP.HCM nói chung trong thời gian tới được chính xác góp phần hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa tình hình tội phạm.

3.1.2. Nội dung dự báo

- Về mức độ và diễn biến của tình hình tội phạm chứa mại dâm:

Trên cơ sở thực trạng, diễn biến tình hình tội phạm chứa mại dâm giai đoạn từ năm 2011-6/2017 trên địa bàn quận Thủ Đức tuy số lượng xảy ra hàng năm không nhiều nhưng vẫn chiếm tỷ lệ khá lớn so với toàn thành phố, cùng với đó là sự quyết tâm của các cấp chính quyền trong giảm thiểu tội phạm xuống mức thấp nhất trong thời gian tới, biến TP.HCM thành thành phố đáng sống. Vì vậy trong những năm tiếp theo tình hình tội phạm nói chung và tội phạm chứa mại sẽ có chiều hướng giảm; nhưng tính chất, thủ đoạn phương thức của tội phạm chứa mại dâm thực hiện sẽ ngày càng tinh vi, khó lường hơn.

- Về đặc điểm nhân thân người phạm tội chứa mại dâm:

+ Về giới tính, độ tuổi: Thống kê giai đoạn 2011-6/2017 thì người phạm tội chứa mại dâm tỷ lệ nữ vẫn nhiều hơn và độ tuổi là từ 30 tuổi trở lên chiếm khá cao. Và qua phân tích sự biến động độ tuổi giới tính qua các năm khá ổn định. Trong thời gian tới thì giới tính và độ tuổi của người phạm tội chứa mại dâm vẫn chủ yếu là nữ giới, nhưng độ tuổi sẽ có sự trẻ hóa với tuổi đời từ 18-30 tuổi sẽ ngày càng nhiều.

+ Trình độ học vấn: Người phạm tội vẫn là đối tượng có trình độ học vấn thấp, đa số là cấp 1 và cấp 2. Tuy vậy trong thời gian tới cần chú ý tới đối tượng có trình độ cao, khả năng phạm tội với thủ đoạn tinh vi, khó lường.

+ Về nghề nghiệp: trong thời gian tới người phạm tội chứa mại dâm vẫn chủ yếu là đã có nghề nghiệp nhưng vì háms lợi muốn kiếm tiền nhanh chóng mà thực hiện hành vi phạm tội.

+ Về hoàn cảnh gia đình: Người phạm tội chứa mại dâm đa số là có điều kiện kinh tế thuận lợi.

+ Về hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Trong thời gian tới người phạm tội chứa mại dâm vẫn chủ yếu là dân nhập cư, sinh sống và cư trú tại quận Thủ Đức và các quận, huyện lân cận.

+ Về đặc điểm đạo đức - tâm lý: Người phạm tội chủ yếu có đặc điểm tâm lý tiêu cực, phạm tội nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất, ăn chơi đua đòi, háms lợi.

+ Về đặc điểm pháp lý hình sự: trong thời gian tới đa số người phạm tội chứa mại dâm vẫn là người phạm tội lần đầu. Tuy nhiên trong thời gian tới cần chú ý đến đối tượng đã có tiền án, tiền sự nhất là các đối tượng là nữ có nhân thân xấu về hành vi mua bán dâm.

Những dự báo về tình hình tội phạm và đặc điểm nhân thân của người phạm tội chứa mại dâm trên địa bàn Thủ Đức ở trên chỉ mang tính khái quát, ý kiến chủ quan của tác giả. Làm cơ sở để đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác phòng ngừa tội phạm chứa mại dâm trong thời gian tới.

3.2. Giải pháp phòng ngừa tình hình các tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức từ khía cạnh nhân thân người phạm tội:

Trên cơ sở rút ra những đặc điểm về nhân thân tại chương 2 và một số dự báo tình hình tội chứa mại dâm trong thời gian tới có thể đưa ra các biện pháp sau phòng ngừa sau:

3.2.1. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường gia đình

Hai tiếng gia đình luôn mang nhiều ý nghĩa với tình cảm thiêng liêng của mỗi người. Gia đình là nơi nuôi dưỡng tâm hồn, là nơi che chở, đùm bọc; là cái nôi nuôi dưỡng và là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách của con người. Vì vậy để phòng ngừa tội phạm nói chung và tội chứa mại dâm nói riêng cần thực hiện các giải pháp khắc phục, hạn chế và loại trừ các nguyên nhân làm phát sinh các đặc điểm nhân thân xấu từ phía gia đình như:

Một là, gia đình phải thật sự là nơi ấm áp, là bến đỗ, là chỗ dựa tinh thần cho mỗi thành viên. Gia đình hòa thuận hạnh phúc, thành viên gắn bó yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Các thành viên trong gia đình luôn chấp hành tốt các quy định, nội quy của địa phương, tôn trọng pháp luật. Cha mẹ phải giáo dục con trẻ biết kính trên nhường dưới, biết yêu thương mọi người, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, thầy cô, họ hàng, bạn bè và những người xung quanh. Biết quan tâm, chia sẻ và sẵn sàng giúp đỡ mọi người. Giáo dục các đức tính trung thực, thật thà, tự tin. Giáo dục con cái về pháp luật, các kỹ năng sống để con cái biết tự bảo vệ mình, không sa vào các tệ nạn xã hội. Động viên và tạo điều kiện cho các thành viên tham gia vào các hoạt động xã hội, định hướng tạo điều kiện cho trẻ phát huy năng khiếu, sở trường...

Hai là, phải tuyên truyền nâng cao sự nhận thức làm cho các bậc cha mẹ thấy rõ tầm quan trọng của việc giáo dục trong gia đình. Trang bị cho các bậc cha mẹ những kỹ năng, những kiến thức về bình đẳng giới, luật hôn nhân gia đình, luật phòng chống bạo lực gia đình... thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục tại địa phương hay bằng cách mở các lớp hướng dẫn cách giáo dục con cái trong gia đình cho các bậc cha, mẹ nhằm phục vụ cho việc giáo dục con trẻ, để họ có sự giáo dục đúng hướng, đúng cách, tránh nuông chiều quá hay nghiêm khắc quá...

Thứ ba, các ban ngành, đoàn thể chính quyền địa phương phải chú ý đến nội dung hình thức trong các cuộc họp tổ, họp khu phố...kết hợp giữa khen thưởng biểu dương những gia đình tiêu biểu có thành tích trong mọi lĩnh vực, những gia đình gương mẫu trong giáo dục con cái...đồng thời cũng cần kịp thời khen thưởng động viên khích lệ các cháu có thành tích cao trong học tập, những cháu làm được nhiều việc tốt...Bên cạnh đó cũng cần phải có sự phối hợp trong giáo dục uốn nắn những trẻ có biểu hiện hư hỏng, ăn chơi lêu lổng....để từ đó kịp thời uốn nắn, có biện pháp hữu hiệu hướng chúng vào những việc làm tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Thứ tư, đối với những gia đình mà thường xuyên xảy ra bạo hành trong gia đình, các thành viên trong gia đình thường xuyên xung đột, hay gia đình có các thành viên vi phạm pháp luật ... thì các tổ chức đoàn thể tại địa phương cũng cần có sự quan tâm, để từ đó có sự tuyên truyền, giáo dục hợp lý, bồi dưỡng riêng cho những gia đình này. Đồng thời đối với các gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn cần tạo điều kiện tốt nhất như ưu tiên tiếp cận các nguồn vốn, vận động xóm làng giúp đỡ để họ có điều kiện phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống...

3.2.2. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường giáo dục(nhà trường)

Nhà trường được coi là chiếc nôi thứ hai trong việc giáo dục và rèn luyện con người. Trường học và môi trường giáo dục tác động rất lớn đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân con người. Nhà trường khi làm tốt nhiệm vụ của mình thì sẽ đào tạo được những thế hệ trẻ tương lai có đủ tài và đức để giúp ích cho đất nước. Ngược lại, khi nhà trường không hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục sẽ hình thành ở trẻ em các đặc điểm nhân thân xấu, từ đó khi gặp tình huống tiêu cực họ dễ vi phạm pháp luật. Và để hạn chế tác động tiêu cực từ môi trường giáo dục cần phải giải quyết được những vấn đề mấu chốt sau:

Mỗi thầy giáo cô giáo phải luôn gương mẫu phát huy vai trò sứ mệnh cao cả trong sự nghiệp trồng người, luôn là tấm gương mẫu mực cho mỗi học sinh. Nhà trường phải xây dựng được môi trường học tập lành mạnh tích cực, tạo ra nhiều sân chơi bổ ích để từ đó giáo dục rèn luyện kỹ năng cho học sinh, tạo không khí hứng thú trong học tập. Đồng thời phải không ngừng có biện pháp đổi mới chất lượng giảng dạy, lấy chất lượng giáo dục là hàng đầu. Ngoài ra phải giữ tốt mối liên hệ giữa gia đình và nhà trường, giảng dạy phải đi đôi với rèn luyện các kỹ năng sống cho học sinh rèn luyện vun đắp cho những mầm xanh tương lai của đất nước.

3.2.3. Hạn chế tiêu cực từ môi trường làm việc, đồng nghiệp

Đối với tội phạm liên quan tới mại dâm nói chung và tội chứa mại dâm nói riêng thì đây là một môi trường rất đáng quan tâm. Người xưa có câu: “*chọn bạn mà chơi*”, bạn bè tốt sẽ hướng con người tới những điều thiện lành mạnh có ích, bạn bè xấu sẽ rủ rê lôi kéo, thậm chí là dẫn tới con đường phạm pháp. Ăn chơi đua đòi, sa ngã, bị cám dỗ của những thứ vật chất, hám lợi dẫn đến phạm tội....Để hạn chế những nhân tố tiêu cực trong môi trường này cần phải thực hiện những biện pháp sau:

- + Những người phạm tội chứa mại dâm hầu hết đều là dân nhập cư sinh sống tại các nhà trọ, thuê mặt bằng để kinh doanh cả phê các dịch vụ giải trí...vì vậy chính quyền địa phương tại các phường, các khu phố phải chú ý xây dựng các xóm trọ với các quy định chặt chẽ, xây dựng các thiết chế văn hóa, các xóm trọ văn hóa, công đồng văn hóa để hướng các đối tượng này vào những hoạt động bổ ích, lành mạnh.

- + Bên cạnh mục tiêu và lợi ích kinh tế, các công ty xí nghiệp cũng cần phải quan tâm chăm lo đời sống của người lao động để họ an tâm công tác cũng như đầu tư xây dựng những khu vui chơi cho công nhân, người lao động

của đơn vị để hướng họ vào những hoạt động bổ ích, rèn luyện sức khỏe, đảm bảo công việc.

3.2.4. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường kinh tế, xã hội vĩ mô

Điều đầu tiên song song với phát triển kinh tế phải giải quyết mặt trái của nó, nhằm mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, khắc phục đói nghèo, ổn định cuộc sống cho người dân. Phát triển những ngành nghề có trọng tâm, phù hợp với điều kiện tự nhiên xã hội của mỗi vùng để từ đó tạo công ăn việc làm, tạo thu nhập hạn chế các yếu tố tiêu cực dẫn đến hành vi phạm tội.

Thứ hai, phải tăng cường công tác kiểm tra việc tạm trú, tạm vắng để tránh tình trạng chủ nhà nghỉ, quán Karaoke, tầm quất mát xa để nhân viên phục vụ ở tại nhà ở, nơi kinh doanh trong thời gian dài, mà không đăng ký tạm trú, tạm vắng; dẫn đến không quản lý được các đối tượng có dấu hiệu mua, bán dâm tại nhà nghỉ, quán Karaoke, tầm quất, mát xa. Cần tăng cường hơn nữa việc phối hợp giữa Cơ quan Công an với các Phòng, Ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, để thường xuyên kiểm tra các nhà nghỉ, quán Karaoke, tầm quất mát xa trên địa bàn. Kiên quyết xử lý nghiêm minh đối với các cơ sở kinh doanh nhà nghỉ, quán Karaoke, tầm quất mát xa không đủ điều kiện hoặc có vi phạm pháp luật.

Thứ ba, các cấp, công tác đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội, có chính sách ưu tiên đối với các đối tượng xã hội, hộ nghèo cận nghèo trên địa bàn như về chế độ bảo hiểm, nhà ở xã hội... phải được chính quyền, đoàn thể quan tâm. Bên cạnh đó phải chú ý đến đời sống tinh thần của người dân tạo môi trường giáo dục, vui chơi giải trí bổ ích. Quan tâm, động viên, thu hút người dân nhất là độ tuổi thanh thiếu niên vào các hoạt động Văn hóa văn nghệ, Thể dục thể thao nhằm tạo lối sống lành mạnh, hình thành nhân cách tốt, đời sống

đảm bảo về mọi mặt thì tất yếu tội phạm nói chung, tội chứa mại dâm nói riêng sẽ giảm.

3.2.5. Hạn chế các tác động tiêu cực từ môi trường văn hóa, tư tưởng, đạo đức

Thứ nhất, phải quản lý chặt các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, tránh tiếp thu những luồng văn hóa độc hại, không phù hợp... Các cơ quan có thẩm quyền mà ở đây là Phòng Văn hóa Thông tin Quận, cán bộ phụ trách văn hóa ở phường phối hợp với các phòng ban liên quan tăng cường công tác quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra các loại hình dịch vụ văn hóa, nhất là việc quản lý, cấp phép và đăng ký đối với các dịch vụ Karaok, massage, các ấn phẩm sách, báo, văn hoá phẩm mang tính nhạy cảm, đồng thời ngăn chặn phim ảnh bạo lực, đồi trụy, các phim ảnh ngoài luồng, độc hại xâm nhập tràn lan trên các trang mạng, ảnh hưởng tiêu cực đến việc hình thành nhân cách và lối sống của trẻ vị thành niên.

Thứ hai, chính quyền Quận cần quan tâm đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng các trung tâm văn hóa, các khu vui chơi giải trí với cơ sở vật chất kỹ thuật được trang bị đầy đủ, để người dân có điều kiện tập luyện Thể dục thể Thao, vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động cộng đồng... từ đó có lối sống lành mạnh, tránh bị sự cám dỗ, tiếp thu các nội dung, hình thức giải trí không phù hợp, các tệ nạn xã hội lôi kéo....

Thứ ba, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức của người dân về các quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ của các chủ hộ kinh doanh nhà nghỉ, quán Karaoke, tắm quất, mát xa; các quy định của pháp luật hình sự để ngăn ngừa hành vi chứa mại dâm, môi giới mại dâm. Công tác tuyên truyền phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, có trọng tâm, trọng điểm đặc biệt cần tăng cường

đưa các phiên tòa xét xử lưu động các vụ án liên quan đến mại dâm, chứa mại dâm đến các địa bàn các khu công nghiệp, trường học để người dân trực tiếp theo dõi, nắm bắt

Thứ tư, cấp ủy Đảng, chính quyền từ quận đến các phường chú trọng phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các phương thức, thủ đoạn hoạt động mới của tội phạm chứa mại dâm, công khai hóa hành vi vi phạm pháp luật của các đối tượng tệ nạn xã hội để người dân nâng cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm.

3.2.6 Các giải pháp nhằm khắc phục sự sai lệch về sở thích, sai lệch về nhu cầu và cách thức thỏa mãn nhu cầu, hạn chế về ý thức pháp luật, trí tuệ...

Công tác tuyên truyền là một giải pháp được thực hiện thường xuyên và sâu rộng. Tiếp tục chú trọng hơn nữa đến công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật theo hướng cải tiến đa dạng hóa hơn nữa các phương pháp, cách thức tuyên truyền cho phù hợp với từng đối tượng, lý thuyết đi đôi với tình huống, giả định, đưa vào những trường hợp cụ thể xảy ra trong cuộc sống hàng ngày để các đối tượng được tuyên truyền nắm bắt dễ dàng, cụ thể. Ngoài ra chính quyền Quận cần mở rộng, phát triển nhiều hình thức trợ giúp pháp lý miễn phí cho người dân; các tổ chức, các đội tuyên truyền pháp luật lưu động cần tăng cường hoạt động đến với người dân nhiều hơn đặc biệt là chú trọng đến đối tượng là dân nhập cư, lao động công nhân tại các khu nhà trọ. Đối với những đối tượng có những sở thích, nhu cầu lệch lạc như nghiện game, ma túy, cờ bạc... cần có sự giám sát chặt chẽ, áp dụng các biện pháp tác động có tính chất giáo dục phòng ngừa, các đoàn thể, chính quyền các cấp cần quan tâm hướng họ vào các hoạt động mang tính cộng đồng để dần dần giúp họ sửa chữa sai lầm, từ bỏ các thói quen, sở thích xấu.

Qua nghiên cứu khảo sát 11 bản án với 16 bị cáo cho thấy rằng tỷ lệ người phạm tội chứa mại dâm có tiền án, tiền sự, được giáo dục cải tạo nhưng khi thi hành bản án xong lại phạm tội chứa mại dâm vẫn còn khá nhiều. Để ngăn chặn các đối tượng này tiếp tục phạm tội là một việc làm đòi hỏi các cơ quan thực thi pháp luật phải đặc biệt chú ý. Để làm được điều này cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

Một là trong công tác thi hành án phải đảm bảo được hai mặt đó là tính răn đe nhưng cũng phải mang ý nghĩa giáo dục, cải tạo để giúp họ tái hòa nhập cộng đồng. Hệ thống trại giam phải được đầu tư xây dựng, trang bị cơ sở vật chất để đảm bảo đào tạo nghề tại chỗ cho người phạm tội để sau khi thi hành án xong họ có điều kiện kiếm việc làm, ổn định cuộc sống.

Hai là, mỗi người phạm tội có đặc điểm nhân thân hoàn cảnh khác nhau do đó đòi hỏi người cán bộ quản giáo phải có kiến thức nghiệp vụ, phải cần có sự quan tâm tìm hiểu đặc điểm tâm lý, hoàn cảnh của từng đối tượng để có những biện pháp giáo dục, tuyên truyền quản lý cho phù hợp.

Ba là, song song với công tác đào tạo nghề cũng cần phải chú ý đến việc trang bị kiến thức cơ bản về pháp luật ... để từ đó giúp họ nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng giá trị lao động, tôn trọng đạo đức... Đồng thời hỗ trợ các thủ tục pháp lý, tạo điều kiện cho họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Mặt khác các cơ quan, tổ chức đoàn thể tại các phường trên địa bàn quận Thủ Đức phải thật sự quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ cho người chấp hành xong hình phạt tù khi trở về hòa nhập cộng đồng được quay trở lại tiếp tục học tập (nếu khi phạm tội đang đi học) hay giúp đỡ họ vào làm trong các công ty, xí nghiệp hoặc tạo điều kiện cho họ chế độ ưu đãi được tiếp cận các nguồn vốn tự sống với nghề đã được học, có thu nhập đảm bảo ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

Bốn là, trong cộng đồng xã hội hiện nay những người thi hành án xong tái hòa nhập thường bị kỳ thị, phân biệt đối xử. Vì vậy điều quan trọng phải thay đổi nhận thức của cộng đồng xã hội cộng đồng xã hội không được kỳ thị phân biệt đối xử với người chấp hành xong hình phạt tù về các loại tội mai dâm nói riêng và tội phạm nói chung để những người này không bị mặc cảm tâm lý, có thái độ sống lạc quan, yêu đời dễ dàng tái hòa nhập cộng đồng.

Năm là song song với việc tạo điều kiện cho người chấp hành án tù được đào tạo nghề thì các các cơ quan, tổ chức đoàn thể phải thường xuyên giám sát, quản lý nghiệp vụ nắm bắt tình hình, hoạt động, diễn biến, tâm tư, nguyện vọng, những thuận lợi, khó khăn của người chấp hành xong hình phạt tù để có biện pháp quản lý, giáo dục, cảm hóa, động viên giúp đỡ, nhắc nhở họ xóa bỏ mặc cảm, tích cực lao động, học tập, tham gia các hoạt động xã hội chung tại cộng đồng dân cư để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật không để họ tái phạm tội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu được ở chương 2, cũng như đặc điểm điều kiện, quy hoạch phát triển của quận Thủ Đức trong những năm tiếp theo tác giả đã đưa ra dự báo tình hình tội chứa mai dâm trên địa bàn quận Thủ Đức , theo đó, nhóm tội chứa mai dâm trong thời gian tới có chiều hướng sẽ giảm tuy vẫn là nhóm tội có tỷ trọng lớn trong tổng thể tình hình tội phạm nói chung trên địa bàn.

Trên cơ sở dự báo đó, tác giả đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm một mặt ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực của môi trường trong việc hình thành các đặc điểm nhân thân xấu của con người, đồng thời nhằm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục để hình thành các đặc điểm nhân thân tốt trong con người. Đặc biệt, các biện pháp này tập trung vào các chủ thể có nguy cơ cao thực hiện tội chứa mai dâm. Với cách làm như vậy, tác giả tin tưởng rằng luận

văn sẽ góp phần tăng cường hiệu quả của công tác đấu tranh phòng - chống tội phạm nói chung và nhóm tội chứa mại dâm nói riêng trên địa bàn quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

KẾT LUẬN

Sau hơn 30 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền kinh tế nước ta đã có những bước tiến vững vàng, tạo đà và thế cho sự phát triển mới của đất nước. Chúng ta có thể tự hào khẳng định, kinh tế Việt Nam những năm qua đạt được nhiều thành tựu to lớn. Bên cạnh những thành tựu đạt được đáng ghi nhận nhưng còn đó là tình hình tội phạm có diễn biến phức tạp với tính chất ngày càng nguy hiểm và gia tăng, trong đó tội chứa mại dâm chiếm xảy ra với tình hình diễn biến vẫn còn phức tạp, băng hoại các giá trị đạo đức, gây xáo trộn trong đời sống xã hội, làm giảm thiểu niềm tin của nhân dân vào cơ quan bảo vệ pháp luật, làm cho trật tự an ninh xã hội ngày càng diễn biến phức tạp, gây hoang mang lo lắng, làm giảm chất lượng môi trường sống cho xã hội và các tầng lớp nhân dân của cả nước nói chung và địa bàn quận Thủ Đức, một trong các quận đông dân nhất của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

Tình hình tội chứa mại dâm ở TP. Hồ Chí Minh nói chung, địa bàn quận Thủ Đức nói riêng vẫn đang là vấn đề “nóng” trong những năm gần đây đã tác động khá tiêu cực trong xã hội. Mặc dù số lượng bị cáo đưa ra xét xử sơ thẩm trên địa bàn quận Thủ Đức có xu hướng giảm trong những năm gần đây, nhưng tính chất, thủ đoạn của hành vi chứa mại dâm ngày càng tinh vi, mức độ nguy hiểm không giảm mà có diễn biến phức tạp.

Bằng việc nghiên cứu số liệu thống kê từ Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, cũng như nghiên cứu từ thực tiễn xét xử 11 bản án từ năm 2011 – 6/2017 của TAND quận Thủ Đức cung cấp, tác giả đã đi sâu nghiên cứu tình hình tội chứa mại dâm, nguyên nhân và điều kiện, nhân thân người phạm tội chứa mại dâm, tình hình phòng ngừa về hành vi chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức trong năm năm qua. Từ đó, Chương 3 của luận văn, tác giả đã

đúc kết và đưa ra các giải pháp từ khía cạnh nhân thân người phạm tội chứa mại dâm đề từ đó tăng cường phòng ngừa đối với loại tội này trên địa bàn quận Thủ Đức.

Đây cũng là công trình nghiên cứu đầu tiên về tội chứa mại dâm trên địa bàn quận Thủ Đức dưới góc độ phòng ngừa tình hình tội chứa mại dâm và cũng là công trình nghiên cứu đầu tiên của tác giả. Vì vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế nhất định. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành của quý thầy, cô giáo, các đồng nghiệp, các chuyên gia, các nhà khoa học... để tác giả tiếp tục hoàn thiện chuyên sâu vào luận văn nghiên cứu của mình.

Tác giả xin chân thành cảm ơn Tiến sĩ Võ Thị Kim Oanh cùng các thầy, cô giáo đã tham gia giảng dạy lớp Cao học luật khóa 6 đợt 2 năm 2015, các đồng chí lãnh đạo Đảng Ủy- Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, các Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, các đồng chí lãnh đạo toàn thể cán bộ nhân viên TAND quận Thủ Đức, Công an quận Thủ Đức, các bạn bè đã nhiệt tình hướng dẫn, truyền đạt kinh nghiệm, tạo điều kiện, giúp đỡ, cung cấp số liệu, tài liệu để tác giả thực hiện hoàn thành Luận văn này./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*.
2. Lê Cẩm (2001), *Nhân thân người phạm tội - Một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án, (số 10), tr. 7-11, (số 11), tr. 5-8.
3. Nguyễn Văn Cảnh cùng tập thể tác giả (2010), *Tội phạm học*, Nxb Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Cảnh và Phạm Văn Tĩnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Học viện cảnh sát nhân dân, Hà Nội.
5. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/CP ngày 31/7/1998 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*.
6. Chính phủ (2011), *Nghị định số 80/2011/NĐ-CP Quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù*.
7. Nguyễn Chí Công (2013), *Phòng ngừa tội phạm cướp tài sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long từ góc độ nhân thân người phạm tội*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
8. Công an quận Thủ Đức (2011 - 2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.
9. Công an quận Thủ Đức (Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) (2011 - 2016), *Thống kê nhân hộ khẩu năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.
10. Cục Thống kê quận Thủ Đức (2011 - 2016), *Niên giám thống kê năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.

11. Bùi Kiên Điện (2001), *Nhân thân bị can và một số khái niệm kề cận*, Tạp chí Luật học, (số 6), tr. 14-18.
12. Lê Văn Định (2015), *Đặc điểm nhân thân người phạm tội và phương thức thực hiện tội trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai*, Tạp chí Kiểm sát, (số 06), tr. 47-53.
13. Đỗ Đức Hồng Hà (2005), *Các tình tiết định khung tăng nặng trong tội giết người phản ánh mức độ lỗi và các đặc điểm về nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 18), tr. 17-20.
14. Lê Thành Công (2016), *Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn quận Bình Tân*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa Học Xã Hội.
15. Ngô Minh Hải (2015), *Đặc điểm nhân thân người phạm tội hiếp dâm trẻ em trên địa bàn tỉnh Đồng Nai dưới góc độ tội phạm học*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.
16. Nguyễn Quang Hạnh (2013), *Một số vấn đề nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Nghề luật, (số 1), tr. 52-57.
17. Nguyễn Tuyết Mai (2006), *Một số đặc điểm chú ý về nhân thân của người phạm tội về ma túy ở Việt Nam*, Tạp chí Luật học, (số 11), tr. 32-37.
18. Phạm Thị Triều Mên (2016), *Nhân thân người phạm tội xâm phạm sở hữu từ thực tiễn tỉnh Bình Dương*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa Học Xã Hội.
19. Đinh Văn Quế (2003), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phân các tội xâm phạm sở hữu*, Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
20. Đinh Văn Quế (2009), *Các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự liên quan đến nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Tòa án, (số 13), tr. 23-27, (số 14), tr. 19-28.

21. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tổ tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999 sửa đổi bổ sung*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Trần Văn Sơn (1997), *Nhân thân người phạm tội một căn cứ để quyết định hình phạt*, Tạp chí Luật học, (số 1), tr. 41-43.
25. TAND quận Thủ Đức (2011 - 2016), *Bản án của các vụ án xâm phạm sở hữu tại Bình Tân năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.
26. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 về phê duyệt Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*.
27. Nguyễn Thị Thanh Thủy (1996), *Nhân thân người phạm tội trong tội phạm học*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
28. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2001), *Một số vấn đề về nhân thân người phạm tội*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 5), tr. 46-53.
29. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2001), *Nhân thân người phạm tội với việc quy trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Tòa án, (số 8), tr. 2-7.
30. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Nhân thân người phạm tội trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện nhà nước và pháp luật.
31. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn quyết định hình phạt*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 19), tr. 3-9.
32. Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Vấn đề nhân thân người phạm tội trong thực tiễn truy cứu trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 17), tr. 32-35.

33. Nguyễn Tấn Thương (2006), *Đấu tranh phòng chống tội phạm cướp giết tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân.
34. Phạm Uyên Thy (2015), *Nhân thân người phạm tội trên địa bàn quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội.
35. Phạm Văn Tinh (2000), *Các phương pháp nghiên cứu tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân.
36. Phạm Văn Tinh (2004), *Đặc điểm tội phạm học của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện nhà nước và pháp luật.
37. Phạm Văn Tinh (2005), *Đặc điểm định lượng của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 4), tr. 73-83.
38. Phạm Văn Tinh (2005), *Đặc điểm định tính của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 10), tr. 65-76.
39. Phạm Văn Tinh (2007), *Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ của Tội phạm học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (số 6), tr. 73-79.
40. Phạm Văn Tinh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
41. Trần Hữu Tráng (2000), *Một số vấn đề về tình hình tội phạm ẩn ở Việt Nam*, Tạp chí Luật học, (số 3), tr. 51-55.
42. Trần Hữu Tráng (2000), *Nạn nhân học trong tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
43. Trần Hữu Tráng (2010), *Bàn về nguyên nhân tội phạm học*, Tạp chí Luật học, (số 11), tr. 43-51.

44. Trần Hữu Tráng (2010), *Tác động của kinh tế thị trường đến tình hình tội phạm và phòng ngừa tội phạm ở nước ta*, Tạp chí Luật học, (số 1), tr. 42-50.
45. Trần Hữu Tráng (2014), *Dự báo nguy cơ tội phạm*, Tạp chí Luật học, (số 4), tr. 46-53.
46. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (1998), *Giáo trình tổ chức hoạt động phòng ngừa, phát hiện và điều tra tội phạm cụ thể*.
47. Trường Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
48. Trường Đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
49. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
50. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Hồng Đức, Hội Luật gia Việt Nam.
51. Lê Đức Tùng (2005), *Cần có biện pháp để thống nhất khi áp dụng tình tiết đã bị xử phạt hành chính trong Bộ luật hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 5), tr. 34-36.
52. Đào Trí Úc (1993), *Hệ thống các biện pháp phòng ngừa xã hội đối với tội phạm*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Bộ Nội vụ, tr. 18-22.
53. Đào Trí Úc (chủ biên) (1994), *Tội phạm học, Luật Hình sự và Luật Tố tụng Hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
54. Ủy ban nhân dân quận Bình Tân (2011 - 2015), *Báo cáo tình hình Kinh tế - Xã hội năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
55. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức (2011 - 2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.

56. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức (2011 - 2016), *Thống kê tội phạm hình sự năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016*.
57. Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
58. Trịnh Tiên Việt (2003), *Nhân thân người phạm tội một căn cứ cần cân nhắc khi quyết định hình phạt*, Tạp chí Kiểm sát, (số 1), tr. 21-23.
59. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận - thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân.
60. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình tội phạm học*, Trường Đại học Huế.
61. Võ Khánh Vinh (2010), *Quyền con người tiếp cận đa ngành và liên ngành khoa học xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
62. Võ Khánh Vinh (2012), *Xã hội học pháp luật, những vấn đề cơ bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
63. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
64. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
65. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
66. Nguyễn Xuân Yêm (2003), *Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.